

## PHỤ LỤC: NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG QUY CHẾ QUẢN TRỊ NỘI BỘ CÔNG TY

(Đính kèm Tờ trình số 15/TTr-HĐQT-THB, ngày 05 tháng 4 năm 2021)

Ghi chú:

- Các điều không nêu chi tiết trong phụ lục này là không thay đổi
- Các nội dung đề xuất thay đổi trong mục “Quy định tại Quy chế quản trị nội bộ hiện hành” là các dòng chữ thể hiện dưới dạng **gạch chân, in đậm**.
- Các nội dung cần sửa đổi bổ sung tại mục “Quy định tại Quy chế quản trị nội bộ sửa đổi” là phần **màu đỏ, in đậm**.
- Luật Doanh nghiệp là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020.
- Luật Chứng khoán là Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019.
- Nghị định 155/2020/NĐ – CP là Nghị định số 155/2020/NĐ – CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.
- Thông tư 116/2020/TT – BTC là Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại nghị định số 155/2020/nđ-cp ngày 31 tháng 12 năm 2020 của chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán.

Quy định tại Quy chế quản trị nội bộ hiện hành	Quy định tại Quy chế quản trị nội bộ sửa đổi	Ghi chú
<b><u>(Sửa đổi lần một (01); Ban hành theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông số: 60/NQ-ĐHĐCD-THB, ngày 22 tháng 11 năm 2018</u></b>	<b>(Sửa đổi lần hai (02); Ban hành theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông số: .../NQ-ĐHĐCD-THB, ngày ... tháng ... năm 2021)</b>	Cập nhật thông tin
<b><u>CĂN CỨ</u></b> <b><u>-Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội</u></b>	<b>CĂN CỨ</b> <b>-Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội</b>	Cập nhật dẫn chiếu luật

<p><u>thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014;</u></p> <p><u>-Luật chứng khoán số 70/2006/QH11 thông qua ngày 29 tháng 6 năm 2006 và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật chứng khoán số 62/2010/QH12 thông qua ngày 24 tháng 11 năm 2010;</u></p> <p><u>-Nghị định số 71/2017/NĐ-CP hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;</u></p> <p><u>-Thông tư số 95/2017/TT-BTC/TT-BTC ngày 22/9/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định 71/2017/NĐ-CP quy định về quản trị công ty áp dụng cho các công ty đại chúng;</u></p> <p>-Điều lệ của Công ty Cổ phần Bia Hà Nội - Thanh Hóa.</p>	<p><b>nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020.</b></p> <p><b>-Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019.</b></p> <p><b>-Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.</b></p> <p><b>-Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại nghị định số 155/2020/nđ-cp ngày 31 tháng 12 năm 2020 của chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán.</b></p> <p>-Điều lệ của Công ty Cổ phần Bia Hà Nội - Thanh Hóa.</p>	
<p><b>Chương I</b></p> <p><b>QUY ĐỊNH CHUNG</b></p>	<p><b>CHƯƠNG I. QUY ĐỊNH CHUNG</b></p>	<p>Điều chỉnh cách ghi tiêu đề</p>
<p><b>Điều 1. Phạm vi điều chỉnh</b></p> <p><b><u>1. Quy chế quản trị công ty Quy định những nguyên tắc cơ bản về quản trị Công ty nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Cổ đông đồng thời thiết lập những chuẩn mực về hành vi, đạo đức nghề nghiệp của các Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc và người điều hành khác, đảm bảo hoạt động của Công ty được ổn định và phát triển đúng định hướng của Đại hội đồng cổ đông.</u></b></p> <p><b><u>2. Quy chế này được áp dụng cho tất cả các Cổ đông</u></b></p>	<p><b>Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng</b></p> <p><b><u>1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế nội bộ về quản trị công ty quy định các nội dung về vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc; trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông; Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc và các hoạt động khác theo quy định tại Điều lệ công ty và các quy định hiện hành khác của pháp luật.</u></b></p>	<p>Tham chiếu Điều 1 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC</p>

<p><u>và/hoặc các thành viên không phải là cổ đông nhưng có tham gia vào việc quản lý điều hành hoạt động của Công ty.</u></p>	<p><b>2. Đối tượng áp dụng:</b> Quy chế này được áp dụng cho công ty, cổ đông công ty và tổ chức, cá nhân là người có liên quan của cổ đông, các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, người điều hành doanh nghiệp của công ty và tổ chức, cá nhân là người có liên quan của các đối tượng này, tổ chức và cá nhân có quyền lợi liên quan đến công ty đại chúng.</p>	
<p><b>Điều 2. Giải thích thuật ngữ</b></p> <p>1. Những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:</p> <p>a) Quản trị công ty là hệ thống các nguyên tắc, bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- <b><u>Đảm bảo cơ cấu quản trị hợp lý;</u></b></li> <li>- <b><u>Đảm bảo hiệu quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;</u></b></li> <li>- <b><u>Đảm bảo quyền lợi của cổ đông và những người có liên quan;</u></b></li> <li>- <b><u>Đảm bảo đối xử công bằng giữa các cổ đông;</u></b></li> <li>- <b><u>Công khai minh bạch mọi hoạt động của công ty.</u></b></li> </ul>	<p><b>Điều 2. Giải thích thuật ngữ</b></p> <p>1. Những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:</p> <p>a) Quản trị công ty là hệ thống các nguyên tắc, bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Bảo đảm cơ cấu quản trị hợp lý, hiệu quả;</b></li> <li>- <b>Bảo đảm hiệu quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát; nâng cao trách nhiệm của Hội đồng quản trị đối với công ty và cổ đông;</b></li> <li>- <b>Bảo đảm quyền của cổ đông, đối xử bình đẳng giữa các cổ đông;</b></li> <li>- <b>Bảo đảm vai trò của nhà đầu tư, thị trường chứng khoán và các tổ chức trung gian trong việc hỗ trợ hoạt động quản trị công ty;</b></li> <li>- <b>Tôn trọng và bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của các bên có quyền lợi liên quan trong quản trị công ty;</b></li> <li>- <b>Công bố thông tin kịp thời, đầy đủ, chính xác và minh bạch hoạt động của công ty; bảo đảm cổ đông được tiếp cận thông tin công bằng.</b></li> </ul>	<p>Tham chiếu Điều 40 Luật Chứng khoán 2019</p>
<p><b><u>g) “Người có liên quan” là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại Khoản 34 Điều 6 Luật Chứng khoán và</u></b></p>	<p><b><u>g) "Người có liên quan" là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 23 Điều 4 Luật Doanh nghiệp và khoản</u></b></p>	<p>Cập nhật dẫn chiếu luật</p>

<b><u>Khoản 17 Điều 4 Luật doanh nghiệp.</u></b>	<b>46 Điều 4 Luật Chứng khoán.</b>	
<b><u>h) “Người phụ trách quản trị công ty” là người có trách nhiệm và quyền hạn được quy định tại Điều 18 Nghị định 71/2017/NĐ-CP.</u></b>	<b>h) “Người phụ trách quản trị công ty” là người có trách nhiệm và quyền hạn được quy định tại Điều 281 Nghị định 155/2020/NĐ-CP.</b>	Cập nhật dẫn chiếu luật
<b><u>Không có</u></b>	<b>i) “Đại biểu” là cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền của cổ đông tham dự họp Đại hội đồng cổ đông;</b>	Bổ sung khái niệm “Đại biểu”
<p><b>Điều 3. Quy chế quản trị công ty</b></p> <p>Hội đồng quản trị có trách nhiệm xây dựng và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Quy chế quản trị công ty. Quy chế quản trị công ty không được trái với các nguyên tắc và quy định hiện hành về quản trị công ty. Quy chế quản trị được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty. Quy chế quản trị công ty gồm các nội dung chủ yếu sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Trình tự, thủ tục về triệu tập và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông (Phụ lục <b>1</b> đính kèm);</li> <li>+ Trình tự, thủ tục đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị (Phụ lục <b>2</b> đính kèm);</li> <li>+ Trình tự, thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị (Phụ lục <b>3</b> đính kèm);</li> <li>+ Trình tự, thủ tục lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp (Phụ lục <b>5</b> đính kèm);</li> <li>+ Quy trình, thủ tục phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Giám đốc (Phụ lục <b>7</b> đính kèm);</li> <li>+ Quy định về đánh giá hàng năm đối với hoạt động, khen</li> </ul>	<p><b>Điều 3. Quy chế quản trị công ty</b></p> <p>Hội đồng quản trị có trách nhiệm xây dựng và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Quy chế quản trị công ty. Quy chế quản trị công ty không được trái với các nguyên tắc và quy định hiện hành về quản trị công ty. Quy chế quản trị được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty. Quy chế quản trị công ty gồm các nội dung chủ yếu sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Trình tự, thủ tục về triệu tập và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông (Phụ lục <b>I</b> đính kèm);</li> <li>+ Trình tự, thủ tục đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị (Phụ lục <b>II</b> đính kèm);</li> <li>+ Trình tự, thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị (Phụ lục <b>III</b> đính kèm);</li> <li>+ Trình tự, thủ tục đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm Kiểm soát viên (Phụ lục <b>IV</b> đính kèm).</li> <li>+ Trình tự thủ tục lựa chọn người phụ trách quản trị nội bộ Công ty (Phụ lục <b>V</b> đính kèm)</li> <li>+ Trình tự, thủ tục lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm người</li> </ul>	<p>Cập nhật thông tin phụ lục</p> <p>Sắp xếp lại nội dung</p>

<p>thường và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc điều hành và người điều hành khác (Phụ lục <b>8</b> đính kèm);</p> <p>+ Trình tự thủ tục lựa chọn người phụ trách quản trị nội bộ Công ty (Phụ lục <b>6</b> đính kèm)</p> <p>+ Trình tự, thủ tục đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm Kiểm soát viên (Phụ lục <b>4</b> đính kèm).</p> <p>Ngoài ra, Quy chế quản trị công ty dẫn chiếu đến một số quy định trong Điều lệ Công ty; các quy chế, quy trình quản trị nội bộ của Công ty.</p>	<p>điều hành doanh nghiệp (Phụ lục <b>VI</b> đính kèm);</p> <p>+ Quy trình, thủ tục phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Giám đốc (Phụ lục <b>VII</b> đính kèm);</p> <p>+ Quy định về đánh giá hàng năm đối với hoạt động, khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc điều hành và người điều hành khác (Phụ lục <b>VIII</b> đính kèm);</p> <p>Ngoài ra, Quy chế quản trị công ty dẫn chiếu đến một số quy định trong Điều lệ Công ty; các quy chế, quy trình quản trị nội bộ của Công ty.</p>	
<p><b><u>Chương II</u></b> <b>CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN LÝ</b></p>	<p><b>CHƯƠNG II. CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN LÝ</b></p>	<p>Điều chỉnh cách ghi tiêu đề</p>
<p><b><u>Chương III</u></b> <b>QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CỔ ĐÔNG</b></p>	<p><b>CHƯƠNG III. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CỔ ĐÔNG</b></p>	<p>Điều chỉnh cách ghi tiêu đề</p>
<p><b><u>Chương IV</u></b> <b>ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG</b></p>	<p><b>CHƯƠNG IV. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG</b></p>	<p>Điều chỉnh cách ghi tiêu đề</p>
<p><b><u>Không có</u></b></p>	<p><b>Điều 7. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p><b>1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của công ty.</b></p> <p><b>2. Đại hội đồng cổ đông có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều 14 Điều lệ công ty.</b></p>	<p>Bổ sung theo hướng dẫn tại khoản 1 Điều 2 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC, phù hợp với Luật Doanh nghiệp và Điều 272 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP</p>

	<p><b>3. Các nội dung đã được thông qua tại các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trước đó chưa được thực hiện, Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại kỳ họp thường niên gần nhất. Trường hợp có thay đổi nội dung thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp gần nhất thông qua trước khi thực hiện.</b></p>	
<p><b>Điều 7. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường</b></p> <p>1.Trình tự, thủ tục về triệu tập và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông gồm các nội dung chính sau:</p> <p>a) Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>b) Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>c) Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>d) Cách thức bỏ phiếu;</p> <p>e) Cách thức kiểm phiếu;</p> <p>f) Cách thức phản đối <b>quyết định</b> của Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>g) Lập Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>h) Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;</p> <p><b><u>i) Việc Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết</u></b></p>	<p><b>Điều 8. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường</b></p> <p>1.Trình tự, thủ tục về triệu tập và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông gồm các nội dung chính sau:</p> <p><b>a) Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông;</b></p> <p><b>b) Lập Danh sách cổ đông có quyền dự họp;</b></p> <p>c) Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>d) Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông;</p> <p><b>e) Chương trình, nội dung Đại hội đồng cổ đông;</b></p> <p><b>f) Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông;</b></p> <p>g) Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông;</p> <p><b>h) Điều kiện tiến hành;</b></p> <p><b>i) Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;</b></p> <p>j) Cách thức bỏ phiếu;</p>	<p>Sửa đổi bổ sung theo Điều 2 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC</p>

<p><b><u>bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản;</u></b></p> <p>j) Các vấn đề khác.</p>	<p>k) Cách thức kiểm phiếu;</p> <p><b>l) Điều kiện để nghị quyết được thông qua;</b></p> <p>m) <b>Thông báo kết quả kiểm phiếu;</b></p> <p>n) Cách thức phản đối <b>Nghị quyết</b> của Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>o) Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>p) Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.</p> <p><b>q) Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản;</b></p> <p><b>r) Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến hoặc bằng hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến;</b></p> <p>s) Các vấn đề khác.</p>	
<p>4. Công ty phải cố gắng tối đa trong việc áp dụng các công nghệ thông tin hiện đại để cổ đông có thể tham dự và phát biểu ý kiến tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông tốt nhất, bao gồm hướng dẫn cổ đông biểu quyết thông qua họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều <b>140</b> Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.</p>	<p>4. Công ty phải cố gắng tối đa trong việc áp dụng các công nghệ thông tin hiện đại để cổ đông có thể tham dự và phát biểu ý kiến tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông tốt nhất, bao gồm hướng dẫn cổ đông biểu quyết thông qua họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều <b>144</b> Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.</p>	<p>Cập nhật dẫn chiếu luật</p>
<p><b><u>Điều 8. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị tại Đại hội đồng cổ đông thường niên</u></b></p> <p><b><u>Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thường niên tối thiểu phải bao gồm các</u></b></p>	<p><b><u>Điều 9. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên</u></b></p> <p><b><u>Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thường niên theo quy định tại điểm c</u></b></p>	<p>Sửa đổi bổ sung theo Điều 280 Nghị định 155/2020/NĐ-CP</p>

<p><b><u>nội dung sau:</u></b></p> <p>1.Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại khoản 3 Điều <b>158</b> Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty;</p> <p>2.Tổng kết các cuộc họp của Hội đồng quản trị và các quyết định của Hội đồng quản trị;</p> <p><b><u>3. Kết quả đánh giá của thành viên độc lập Hội đồng quản trị về hoạt động của Hội đồng quản trị (nếu có);</u></b></p> <p>4.Hoạt động của các tiểu ban khác thuộc Hội đồng quản trị (nếu có);</p> <p>5.Kết quả giám sát đối với Giám đốc;</p> <p>6.Kết quả giám sát đối với người điều hành khác;</p> <p>7.Các kế hoạch trong tương lai.</p>	<p><b>khoản 3 Điều 139 Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và phải đảm bảo có các nội dung sau:</b></p> <p>1. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại khoản 3 Điều <b>163</b> Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.</p> <p>2. Tổng kết các cuộc họp của Hội đồng quản trị và các quyết định của Hội đồng quản trị.</p> <p><b>3. Báo cáo về các giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian ba (03) năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.</b></p> <p><b>4. Hoạt động của thành viên độc lập Hội đồng quản trị và kết quả đánh giá của thành viên độc lập về hoạt động của Hội đồng quản trị;</b></p> <p>5. Hoạt động của các tiểu ban khác thuộc Hội đồng quản trị (nếu có).</p> <p>6. Kết quả giám sát đối với Giám đốc;</p> <p>7. Kết quả giám sát đối với người điều hành khác.</p> <p>8. Các kế hoạch trong tương lai.</p>	
--	---	--



<p><b><u>Điều 9. Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát tại Đại hội đồng cổ đông thường niên</u></b></p> <p><b><u>Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát trình Đại hội đồng cổ đông thường niên tối thiểu phải bao gồm các nội dung sau:</u></b></p> <p>a) Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban kiểm soát và từng <b>Kiểm soát viên</b> theo quy định tại khoản 3 Điều 167 Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty;</p> <p>b) Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban kiểm soát;</p> <p>c) Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của công ty;</p> <p>d) Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Giám đốc và các người điều hành doanh nghiệp khác;</p> <p>e) Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Giám đốc và các cổ đông.</p>	<p><b>Điều 10. Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát tại <b>cuộc họp</b> Đại hội đồng cổ đông thường niên</b></p> <p><b>Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát trình Đại hội đồng cổ đông thường niên theo quy định tại điểm d, điểm đ khoản 3 Điều 139 Luật Doanh nghiệp và phải đảm bảo có các nội dung sau:</b></p> <p>1. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban kiểm soát và từng <b>thành viên Ban kiểm soát</b> theo quy định tại Điều <b>172</b> Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.</p> <p>2. Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban kiểm soát.</p> <p>3. Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của công ty.</p> <p><b>4. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian ba (03) năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.</b></p> <p>5. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Giám đốc và các người điều hành doanh nghiệp khác.</p> <p>6. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Giám đốc và các cổ đông.</p>	<p>Sửa đổi bổ sung theo Điều 290 Nghị định 155/2020/NĐ-CP</p>
<p><b><u>Chương V</u></b></p> <p><b>HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</b></p>	<p><b>CHƯƠNG V. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</b></p>	<p>Điều chỉnh cách ghi tiêu đề</p>

<b><u>Điều 10. Thành phần, nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị</u></b>	<b><u>Điều 11. Thành phần, nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị</u></b>	Cập nhật STT
<p>1. <b><u>Số lượng thành viên Hội đồng quản trị ít nhất là ba (03) người và nhiều nhất là năm (11) người. Thành phần, nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị được quy định tại Điều 25 Điều lệ công ty.</u></b></p> <p>2. Cơ cấu Hội đồng quản trị phải đảm bảo sự cân đối giữa các thành viên có kiến thức và kinh nghiệm về pháp luật, tài chính; lĩnh vực hoạt động kinh doanh của công ty và có xét yếu tố về giới tính; đảm bảo sự cân đối giữa các thành viên kiêm điều hành và các thành viên không điều hành/độc lập.</p> <p>Tổng số thành viên Hội đồng quản trị độc lập phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị. Số lượng tối thiểu thành viên Hội đồng quản trị độc lập <b><u>được xác định theo phương thức làm tròn xuống.</u></b></p>	<p>1. <b>Số lượng thành viên Hội đồng quản trị ít nhất là ba (03) người và nhiều nhất là mười một (11) người. Thành phần, nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị được quy định tại Điều 26 Điều lệ công ty.</b></p> <p>2. Cơ cấu Hội đồng quản trị phải đảm bảo sự cân đối giữa các thành viên có kiến thức và kinh nghiệm về pháp luật, tài chính; lĩnh vực hoạt động kinh doanh của công ty và có xét yếu tố về giới tính; đảm bảo sự cân đối giữa các thành viên kiêm điều hành và các thành viên không điều hành/độc lập.</p> <p>Tổng số thành viên Hội đồng quản trị độc lập phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị. Số lượng tối thiểu thành viên Hội đồng quản trị độc lập <b>phải đảm bảo quy định tại khoản 3 Điều 26 Điều lệ Công ty.</b></p>	<p>Cập nhật dẫn chiếu đến quy định liên quan tại Điều lệ.</p>
<p><b><u>Điều 11. Tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị</u></b></p> <p>1. Thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:</p> <p><b><u>a) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại Luật doanh nghiệp;</u></b></p> <p><b><u>b) Thành viên Hội đồng quản trị công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác, nhưng không được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tại quá 05 công ty khác;</u></b></p> <p><b><u>c) Là cổ đông cá nhân sở hữu ít nhất 05% (năm phần</u></b></p>	<p><b><u>Điều 12. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị</u></b></p> <p>1. Thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện <b>theo quy định tại khoản 1 Điều 155 Luật Doanh nghiệp và khoản 4 Điều 26 Điều lệ Công ty.</b></p>	<p>Bỏ nội dung trùng lặp tại Điều lệ Công ty và bổ sung dẫn chiếu đến quy định đã sửa đổi tại Điều lệ Công ty</p>

<p><u>trăm) tổng số cổ phần phổ thông hoặc người có trình độ chuyên môn tốt nghiệp Đại học trở lên, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh hoặc trong ngành nghề chủ yếu của công ty.</u></p> <p><u>d) Có sức khỏe, phẩm chất, đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết, có hiểu biết pháp luật.</u></p>		
<p>Không có</p>	<p><b>2. Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành (sau đây gọi là thành viên không điều hành) là thành viên Hội đồng quản trị không phải là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và những người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty.</b></p>	<p>Bổ sung điều kiện của thành viên HĐQT không điều hành</p>
<p><b>2.</b> Thành viên độc lập Hội đồng quản trị là thành viên có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây, trừ trường hợp pháp luật về chứng khoán có quy định khác:</p> <p>- Không phải là người đang làm việc cho công ty, công ty con của công ty; không phải là người đã từng làm việc cho công ty, công ty con của công ty ít nhất trong <b>03</b> năm liền trước đó.</p> <p>- Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;</p> <p>- Không phải là người có vợ hoặc chồng, <b>cha đẻ, cha nuôi</b>, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của công ty; là người quản lý của công ty hoặc công ty con của công ty;</p> <p>- Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu <b>ít nhất 01% (Một phần trăm)</b> tổng số cổ phần có quyền</p>	<p><b>3.</b> Thành viên độc lập Hội đồng quản trị là thành viên có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây, trừ trường hợp pháp luật về chứng khoán có quy định khác:</p> <p>a) Không phải là người đang làm việc cho công ty, <b>công ty mẹ hoặc</b> công ty con của công ty; không phải là người đã từng làm việc cho công ty, <b>công ty mẹ hoặc</b> công ty con của công ty ít nhất trong <b>ba (03)</b> năm liền trước đó;</p> <p>b) Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;</p> <p>c) Không phải là người có vợ hoặc chồng, <b>bố đẻ, bố nuôi</b>, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của công ty; là người quản lý của công ty hoặc công ty con của công ty;</p> <p>d) Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu <b>ít nhất một phần trăm (01%)</b> tổng số cổ phần có quyền</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung theo khoản 2 và khoản 3 Điều 155 Luật Doanh nghiệp</p> <p>Thống nhất cách ghi số</p>

<p>biểu quyết của công ty;</p> <p>- Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của công ty ít nhất trong <b><u>05 năm liền trước đó.</u></b></p>	<p>biểu quyết của công ty;</p> <p>e) Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của công ty ít nhất trong <b><u>năm (05) năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục hai (02) nhiệm kỳ.</u></b></p> <p><b>Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải thông báo với Hội đồng quản trị về việc không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị độc lập và đương nhiên không còn là thành viên độc lập Hội đồng quản trị kể từ ngày không đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện. Hội đồng quản trị phải thông báo trường hợp thành viên độc lập Hội đồng quản trị không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong thời hạn sáu (06) tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị có liên quan.</b></p>	
<p><b><u>Điều 12.</u></b>Thẩm quyền của Hội đồng quản trị</p>	<p><b><u>Điều 13.</u></b> Thẩm quyền của Hội đồng quản trị</p>	<p>Cập nhật STT</p>
<p>3. Hội đồng quản trị thông qua các hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị từ 15% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty trừ trường hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền <b><u>ký kết của Đại hội đồng cổ đông.</u></b></p>	<p>3. Hội đồng quản trị thông qua các hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị từ 15% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty trừ trường hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền <b><u>quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 của Luật Doanh nghiệp và khoản 2 Điều 14 Điều lệ công ty.</u></b></p>	<p>Sửa phù hợp với điểm h khoản 2 Điều 153 Luật Doanh nghiệp</p> <p>Bổ sung dẫn chiếu luật</p>

<p>4. Hội đồng quản trị thông qua <u>việc công ty ký kết hợp đồng với những người được quy định tại Khoản 1 Điều 162 Luật Doanh nghiệp với giá trị dưới 20% tổng giá trị tài sản của công ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất.</u></p>	<p>4. Hội đồng quản trị thông qua <b>các hợp đồng, giao dịch có giá trị nhỏ hơn ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp hoặc dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị nhỏ hơn ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất giữa công ty với một trong các đối tượng được quy định tại điểm n khoản 2 Điều 14 Điều lệ Công ty.</b></p>	<p>Bổ sung phù hợp với Điểm Khoản 2 Điều 167 Luật Doanh nghiệp và điểm b khoản 4 Điều 193 Nghị định 155/2020</p>
<p>Không có</p>	<p><b>5. Chấp thuận hợp đồng, giao dịch vay, cho vay, bán tài sản có giá trị bằng hoặc thấp hơn mười phần trăm (10%) tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất giữa công ty và cổ đông sở hữu từ năm mươi một phần trăm (51%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó.</b></p>	<p>Bổ sung phù hợp với Điểm b Khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp</p>
<p><b><u>Điều 13.</u></b> Trách nhiệm và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị</p>	<p><b><u>Điều 14.</u></b> Trách nhiệm và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị</p>	<p>Cập nhật STT</p>
<p>1. Hội đồng quản trị phải tuân thủ đầy đủ trách nhiệm và nghĩa vụ theo quy định tại <b><u>Điều 26</u></b> Điều lệ công ty và Luật Doanh nghiệp;</p> <p>2. Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm trước các cổ đông về hoạt động của công ty, việc thực hiện chức năng định hướng chiến lược, giám sát thực hiện chiến lược phát triển của công ty;</p> <p><b><u>3. Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm đảm bảo hoạt động của công ty tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ và Quy chế quản trị công ty, đối xử bình đẳng</u></b></p>	<p>Hội đồng quản trị phải tuân thủ đầy đủ trách nhiệm và nghĩa vụ theo quy định tại <b><u>Điều 27</u></b> Điều lệ công ty và Luật Doanh nghiệp <b>và các trách nhiệm, nghĩa vụ sau:</b></p> <p><b>1.</b> Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm trước các cổ đông về hoạt động của công ty, việc thực hiện chức năng định hướng chiến lược, giám sát thực hiện chiến lược phát triển của công ty;</p> <p><b>2. Đối xử bình đẳng đối với tất cả cổ đông và tôn trọng lợi ích của người có quyền lợi liên quan đến công ty;</b></p>	<p>Sửa đổi, bổ sung phù hợp với điều 278 Nghị định 155/2020/NĐ-CP</p> <p>Cập nhật dẫn chiếu đến quy định liên quan tại Điều lệ</p>

<p><b><u>đối với tất cả cổ đông và tôn trọng lợi ích của người có quyền lợi liên quan đến công ty;</u></b></p> <p>4. Xây dựng Quy chế nội bộ về quản trị công ty và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua. Quy chế nội bộ về quản trị công ty không được trái với quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;</p> <p><b><u>5. Hội đồng quản trị có trách nhiệm báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 8 Quy chế này.</u></b></p>	<p><b>3. Đảm bảo hoạt động của công ty tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ và quy định nội bộ của công ty;</b></p> <p><b>4. Xây dựng Quy chế nội bộ về quản trị công ty và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua. Quy chế nội bộ về quản trị công ty không được trái với quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;</b></p> <p><b>5. Xây dựng Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố trên trang thông tin điện tử của công ty.;</b></p> <p><b>6. Giám sát và ngăn ngừa xung đột lợi ích của các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và người quản lý khác, bao gồm việc sử dụng tài sản công ty sai mục đích và lạm dụng các giao dịch với bên liên quan;</b></p> <p><b>7. Bổ nhiệm Người phụ trách quản trị công ty;</b></p> <p><b>8. Tổ chức đào tạo, tập huấn về quản trị công ty và các kỹ năng cần thiết cho thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý khác của công ty.</b></p> <p><b>9. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 9 Quy chế này.</b></p>	
<p><b><u>Điều 14. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Hội đồng quản trị</u></b></p>	<p><b>Điều 15. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Hội đồng quản trị</b></p>	<p>Cập nhật STT</p>
<p>Không có</p>	<p><b>Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 156 Luật Doanh nghiệp và các quyền hạn và trách nhiệm sau:</b></p>	<p>Bổ sung dẫn chiếu luật</p>

<p><b>Điều 15.</b>Người được Chủ tịch Hội đồng quản trị ủy quyền</p>	<p><b>Điều 16.</b>Người được Chủ tịch Hội đồng quản trị ủy quyền</p>	<p>Cập nhật STT</p>
<p><b>Điều 16.</b> Quyền và <u>trách nhiệm</u> của thành viên Hội đồng quản trị</p>	<p><b>Điều 17.</b> Quyền và <b>nghĩa vụ</b> của thành viên Hội đồng quản trị</p>	<p>Điều chỉnh tiêu đề theo hướng dẫn tại Khoản 1 Điều 3 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC</p>
<p>1. Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật doanh nghiệp, pháp luật liên quan và Điều lệ công ty, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của công ty và của các đơn vị trong công ty.</p> <p>2. Thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm theo quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.</p> <p>3. Thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và công ty.</p> <p>4. Thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến rõ ràng về các vấn đề được đưa ra thảo luận.</p> <p>5. Thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm báo cáo kịp thời và đầy đủ Hội đồng quản trị các khoản thù lao mà họ nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác mà họ là người đại diện phần vốn góp của công ty.</p> <p>6. Thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan có trách nhiệm báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và thực hiện công bố</p>	<p>1. Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật doanh nghiệp, pháp luật liên quan và Điều lệ công ty, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của công ty và của các đơn vị trong công ty <b>theo quy định tại Điều 159 Luật Doanh nghiệp.</b></p> <p>2. Thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm theo quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.</p> <p>3. Thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và công ty.</p> <p>4. Thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến rõ ràng về các vấn đề được đưa ra thảo luận.</p> <p>5. Thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm báo cáo kịp thời và đầy đủ <b>với</b>Hội đồng quản trị các khoản thù lao mà họ nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác mà họ là người đại diện phần vốn góp của công ty.</p> <p><b>6. Thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao</b></p>	<p>Sửa đổi, bổ sung phù hợp với Điều 277 và Khoản 2 Điều 299 Nghị định 155/2020/NĐ-CP</p> <p>Cập nhật dẫn chiếu luật</p>

<p>thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của công ty theo quy định của pháp luật.</p> <p>7. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.</p>	<p><b>địch giữa công ty, công ty con, công ty do công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; các giao dịch giữa công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian ba (03) năm gần nhất trước thời điểm giao dịch; các giao dịch giữa công ty với công ty trong đó người có liên quan của các thành viên nêu trên là thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc cổ đông lớn;</b></p> <p>7. Thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan có trách nhiệm báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của công ty theo quy định của pháp luật.</p> <p>8. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.</p> <p><b>9. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải lập báo cáo đánh giá về hoạt động của Hội đồng quản trị.</b></p>	
<p><b>Điều 17. Cuộc họp Hội đồng quản trị</b></p>	<p><b>Điều 18. Cuộc họp Hội đồng quản trị</b></p>	<p>Cập nhật STT</p>
<p><b>Điều 18. Thù lao, tiền lương và các khoản lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị</b></p>	<p><b>Điều 19. Thù lao, tiền lương và các khoản lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị</b></p>	<p>Cập nhật STT</p>
<p><b>Điều 19. Thư ký công ty</b></p>	<p><b>Điều 20. Thư ký công ty</b></p>	<p>Cập nhật STT</p>
<p>3. Vai trò và nhiệm vụ của Thư ký công ty quy định tại</p>	<p>3. Vai trò và nhiệm vụ của Thư ký công ty quy định tại</p>	<p>Cập nhật dẫn chiếu đến quy</p>



<b>Điều 32</b> Điều lệ Công ty.	<b>Điều 35</b> Điều lệ Công ty.	định liên quan tại Điều lệ
<b>Điều 20.</b> Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị	<b>Điều 21.</b> Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị	Cập nhật STT
<b>Điều 21.</b> Người phụ trách quản trị công ty	<b>Điều 22.</b> Người phụ trách quản trị công ty	Cập nhật STT
<b>Chương VI</b> <b>BAN KIỂM SOÁT</b>	<b>CHƯƠNG VI. BAN KIỂM SOÁT</b>	
<b>Điều 22. Số lượng, tiêu chuẩn Kiểm soát viên</b>	<b>Điều 23.Số lượng, nhiệm kỳ, cơ cấu tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban kiểm soát</b>	Sửa đổi tiêu đề phù hợp với nội dung chi tiết
<p>1. Số lượng Kiểm soát viên ít nhất là ba (03) người và nhiều nhất là năm (05) người. <b><u>Thành phần, nhiệm kỳ của Ban kiểm soát được quy định tại Điều 36 Điều lệ công ty.</u></b></p> <p>2. Kiểm soát viên có thể không phải là cổ đông của công ty và có điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định tại <b><u>Điều 36</u></b> Điều lệ công ty.</p>	<p>1. Số lượng Kiểm soát viên ít nhất là ba (03) người và nhiều nhất là năm (05) người.</p> <p><b>2. Nhiệm kỳ của Thành viên Ban kiểm soát không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trường hợp Thành viên Ban kiểm soát có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Thành viên Ban kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi Thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.</b></p> <p><b>3.</b>Kiểm soát viên có thể không phải là cổ đông của công ty và có điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định tại <b><u>khoản 2 Điều 37</u></b>Điều lệ công ty.</p> <p><b>4. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc chuyên ngành kinh tế, tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh</b></p>	<p>Sửa đổi phù hợp với Điều 168 Luật Doanh nghiệp</p> <p>Cập nhật dẫn chiếu đến quy định liên quan tại Điều lệ</p>

	<b>doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.</b>	
<b>Điều 23. Quyền và nghĩa vụ của Kiểm soát viên</b>	<b>Điều 24. Quyền và nghĩa vụ của Kiểm soát viên</b>	Không đổi
<b>Điều 24. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát</b>	<b>Điều 25. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát</b>	Không đổi
<p>Ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty, ngoài ra Ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ sau:</p> <p><b><u>1. Ban kiểm soát chịu trách nhiệm trước cổ đông của công ty về các hoạt động giám sát của mình. Ban kiểm soát có trách nhiệm giám sát tình hình tài chính công ty, tính hợp pháp trong các hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, người điều hành khác, sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Giám đốc và cổ đông và các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty nhằm bảo vệ quyền lợi hợp pháp của công ty và cổ đông.</u></b></p> <p><b><u>2. Trường hợp Ban kiểm soát phát hiện những hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của các thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và các người điều hành khác, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.</u></b></p> <p><b><u>3. Ban kiểm soát có quyền đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty.</u></b></p>	<p>Ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Luật doanh nghiệp và <b>Điều 39</b> Điều lệ công ty, ngoài ra Ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ sau:</p> <p><b><u>1. Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc trong việc quản lý và điều hành công ty.</u></b></p> <p><b><u>2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.</u></b></p> <p><b><u>3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và sáu (06) tháng của công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.</u></b></p> <p><b><u>4. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của công ty.</u></b></p> <p><b><u>5. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và tài liệu khác</u></b></p>	<p>Sửa đổi, bổ sung theo điều 170 Luật doanh nghiệp</p> <p>Bỏ các nội dung đã quy định tại Điều 39 Điều lệ sửa đổi</p>

**4. Ban kiểm soát chịu trách nhiệm báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 09 Quy chế này.**

**của công ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật này.**

**6. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật này, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của công ty.**

**7. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của công ty.**

**8. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc vi phạm quy định tại Điều 165 của Luật này phải thông báo ngay bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.**

**9. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của công ty.**

	<p><b>10. Sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của công ty để thực hiện nhiệm vụ được giao.</b></p> <p><b>11. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.</b></p>	
<b>Điều 25. Cuộc họp của Ban kiểm soát</b>	<b>Điều 26. Cuộc họp của Ban kiểm soát</b>	Cập nhật STT
<p>1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất hai (02) lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là <u>2/3</u> số thành viên. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. <b>Thư ký</b> và các Kiểm soát viên tham dự họp phải ký tên vào các biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng Kiểm soát viên.</p> <p>2. Trong các cuộc họp của Ban kiểm soát, Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, thành viên kiểm toán nội bộ (nếu có) và <b>kiểm toán viên độc lập</b> tham dự và trả lời các vấn đề mà các Kiểm soát viên quan tâm.</p>	<p>1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất hai (02) lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là <b>hai phần ba (2/3)</b> số thành viên <b>Ban kiểm soát</b>. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. <b>Người ghi biên bản</b> và các Kiểm soát viên tham dự họp phải ký tên vào các biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng Kiểm soát viên.</p> <p>2. Trong các cuộc họp của Ban kiểm soát, Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, thành viên kiểm toán nội bộ (nếu có) và <b>đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận</b> tham dự và trả lời các vấn đề mà các Kiểm soát viên quan tâm.</p>	Cập nhật nội dung theo điều 289 Nghị định 155/2020/NĐ-CP
<b>Điều 26. Thù lao, tiền lương và các khoản lợi ích khác của Kiểm soát viên</b>	<b>Điều 27. Thù lao, tiền lương và các khoản lợi ích khác của Kiểm soát viên</b>	Cập nhật STT
<b>Chương VII</b> <b>BAN ĐIỀU HÀNH</b>	<b>CHƯƠNG VII. BAN ĐIỀU HÀNH</b>	Điều chỉnh cách ghi tiêu đề
<b>Điều 27. Thành phần và tiêu chuẩn của người điều hành</b>	<b>Điều 28. Thành phần và tiêu chuẩn của người điều hành</b>	Cập nhật STT

<p>2. Giám đốc và Phó Giám đốc phải có tiêu chuẩn sau:</p> <p>a) Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại <b><u>Khoản 2 Điều 18</u></b> của Luật Doanh nghiệp.</p> <p>b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh của công ty.</p>	<p>2. Giám đốc và Phó Giám đốc phải có tiêu chuẩn sau:</p> <p>a) Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại <b><u>khoản 2 Điều 17</u></b> của Luật Doanh nghiệp.</p> <p>b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh của công ty.</p>	<p>Cập nhật dẫn chiếu luật</p>
<p><b><u>Điều 28. Quyền hạn và nhiệm vụ của Giám đốc</u></b></p>	<p><b><u>Điều 29. Quyền hạn và nhiệm vụ của Giám đốc</u></b></p>	<p>Cập nhật STT</p>
<p>1. Giám đốc là người điều hành <b><u>cao nhất mọi hoạt động</u></b> của Công ty; có toàn quyền quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty theo quy định trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và pháp luật về việc điều hành hoạt động của Công ty và việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. Giám đốc có quyền và nghĩa vụ theo quy định tại <b><u>Điều 31</u></b> Điều lệ công ty.</p>	<p>1. Giám đốc là người điều hành <b><u>công việc kinh doanh hằng ngày</u></b> của Công ty; có toàn quyền quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty theo quy định trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và pháp luật về việc điều hành hoạt động của Công ty và việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. Giám đốc có quyền và nghĩa vụ theo quy định tại <b><u>Điều 34</u></b> Điều lệ công ty.</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung phù hợp với Điều 162 Luật Doanh nghiệp</p> <p>Cập nhật dẫn chiếu đến quy định liên quan tại Điều lệ</p>
<p>3. Giám đốc có quyền quyết định thông qua các hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị dưới 15% (mười lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty <b><u>trừ trường hợp ký kết hợp đồng với những người được quy định tại Khoản 1 Điều 162 của Luật doanh nghiệp.</u></b></p>	<p>3. Giám đốc có quyền quyết định thông qua các hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị dưới 15% (mười lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty <b><u>trừ các giao dịch, hợp đồng thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều 14 và Điều 27 Điều lệ Công ty và Điều 13 Quy chế này.</u></b></p>	<p>Cập nhật dẫn chiếu đến quy định liên quan tại Điều lệ Công ty và Quy chế nội bộ về quản trị công ty</p>

<p><b><u>Chương VIII</u></b> <b>NGĂN NGỪA XUNG ĐỘT LỢI ÍCH</b></p>	<p><b>CHƯƠNG VIII. NGĂN NGỪA XUNG ĐỘT LỢI ÍCH</b></p>	<p>Điều chỉnh cách ghi tiêu đề</p>
<p><b>Điều 29.</b> Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi của người quản lý doanh nghiệp</p>	<p><b>Điều 30.</b> Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi của người quản lý doanh nghiệp</p>	<p>Cập nhật STT</p>
<p><b><u>1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, người quản lý khác phải công khai các lợi ích liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp, các văn bản pháp luật liên quan.</u></b></p> <p><b><u>2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, người quản lý khác và những người liên quan tới các thành viên này không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho công ty vì mục đích cá nhân; không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.</u></b></p> <p><b><u>3. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% (năm mươi phần trăm) trở lên vốn điều lệ với chính thành viên đó hoặc với những người có liên quan của thành viên đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch của các đối tượng nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.</u></b></p>	<p><b>Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc điều hành, người điều hành khác và cá nhân, tổ chức có liên quan tới các thành viên nêu trên có trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi theo quy định tại Điều 43 Điều lệ Công ty.</b></p>	<p>Bỏ nội dung trùng lặp tại Điều lệ Công ty và bổ sung dẫn chiếu đến quy định đã sửa đổi tại Điều lệ Công ty</p>

<p><b><u>4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.</u></b></p> <p><b><u>5. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.</u></b></p>		
<p><b><u>Điều 30.</u></b>Giao dịch với người có liên quan</p>	<p><b><u>Điều 31.</u></b> Giao dịch với người có liên quan</p>	<p>Cập nhật STT</p>
<p><b><u>Điều 31.</u></b>Giao dịch với cổ đông, người quản lý doanh nghiệp và người có liên quan của các đối tượng này</p>	<p><b><u>Điều 32.</u></b>Giao dịch với cổ đông, người quản lý doanh nghiệp và người có liên quan của các đối tượng này</p>	<p>Cập nhật STT</p>
<p>Không có</p>	<p><b>1. Công ty không được cung cấp khoản vay hoặc bảo lãnh cho cổ đông là cá nhân và người có liên quan của cổ đông đó là cá nhân.</b></p>	<p>Sửa đổi, bổ sung theo điều 293 Nghị định 155/2020/NĐ-CP Thống nhất cách ghi số</p>
<p>1. Công ty không được cung cấp khoản vay hoặc bảo lãnh cho cổ đông là tổ chức và người có liên quan của cổ đông đó là cá nhân, trừ trường hợp sau đây: Cổ đông là công ty con trong trường hợp công ty con là <b><u>các</u></b> công ty không có cổ phần, phần vốn góp nhà nước nắm giữ và đã thực hiện góp vốn, mua cổ phần của công ty trước ngày 01 tháng 7 năm 2015 <b><u>theo quy định tại Khoản 6 Điều 16 Nghị định số 96/2015/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật doanh nghiệp.</u></b></p>	<p>2. Công ty không được cung cấp khoản vay hoặc bảo lãnh cho cổ đông là tổ chức và người có liên quan của cổ đông đó là cá nhân, trừ các trường hợp sau đây: Cổ đông là công ty con trong trường hợp công ty con là công ty không có cổ phần, phần vốn góp nhà nước nắm giữ và đã thực hiện góp vốn, mua cổ phần của công ty trước ngày 01 tháng 7 năm 2015.</p>	
<p><b><u>4. Trừ trường hợp các giao dịch được Đại hội đồng cổ</u></b></p>	<p><b>4. Công ty chỉ được thực hiện các giao dịch sau đây khi</b></p>	

**đồng chấp thuận, công ty không được thực hiện giao dịch sau:**

a) Cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, các người quản lý khác và những cá nhân, tổ chức có liên quan của các đối tượng này, **trừ trường hợp công ty và tổ chức có liên quan đến cổ đông là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế và pháp luật chuyên ngành có quy định khác.**

b) Giao dịch **dẫn đến tổng giá trị giao dịch** có giá trị từ **20% (hai mươi phần trăm)** trở lên tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa công ty với một trong các đối tượng sau:

- Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, các người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này;
- Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên **10% (mười phần trăm)** tổng vốn cổ phần phổ thông của công ty và những người có liên quan của họ;
- Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại **khoản 2 Điều 159** Luật doanh nghiệp.

**đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận:**

a) Cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, người quản lý khác **không phải là cổ đông** và những cá nhân, tổ chức có liên quan của các đối tượng này;

**Trường hợp cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho tổ chức có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người quản lý khác mà công ty và tổ chức đó là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế, Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị thông qua theo quy định tại Điều lệ công ty;**

b) Giao dịch có giá trị từ **ba mươi lăm phần trăm (35%)** trở lên **hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng mười hai (12) tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ ba mươi lăm phần trăm (35%) trở lên** tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất hoặc một tỷ lệ, giá trị khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ công ty giữa công ty với một trong các đối tượng sau:

- Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, các người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này;
- Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên **mười phần trăm (10%)** tổng vốn cổ phần phổ thông của công ty và những người có liên quan của họ;
- Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định



	tại <b>khoản 2 Điều 164</b> Luật Doanh nghiệp; <b>c) Hợp đồng, giao dịch vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn mười phần trăm (10%) tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa công ty và cổ đông sở hữu từ năm mươi một phần trăm (51%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó.</b>	
<b>Điều 32.</b> Đảm bảo quyền hợp pháp của các bên có quyền lợi liên quan đến công ty	<b>Điều 33.</b> Đảm bảo quyền hợp pháp của các bên có quyền lợi liên quan đến công ty	Cập nhật STT
<b>Chương IX</b> <b>BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN</b>	<b>CHƯƠNG IX. BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN</b>	Điều chỉnh cách ghi tiêu đề
<b>Điều 33.</b> Nghĩa vụ công bố thông tin	<b>Điều 34.</b> Nghĩa vụ công bố thông tin	Cập nhật STT
<b>Điều 34.</b> Công bố thông tin về mô hình tổ chức quản lý công ty	<b>Điều 35.</b> Công bố thông tin về mô hình tổ chức quản lý công ty	Cập nhật STT
1. Công ty đại chúng phải báo cáo Ủy ban chứng khoán nhà nước, Sở giao dịch Chứng khoán và công bố thông tin về mô hình tổ chức quản lý và hoạt động công ty theo quy định tại Điều <b>134</b> Luật Doanh nghiệp.	1. Công ty đại chúng phải báo cáo Ủy ban chứng khoán nhà nước, Sở giao dịch Chứng khoán và công bố thông tin về mô hình tổ chức quản lý và hoạt động công ty theo quy định tại Điều <b>137</b> Luật Doanh nghiệp.	Cập nhật dẫn chiếu luật
<b>Điều 35.</b> Công bố thông tin về quản trị công ty	<b>Điều 36.</b> Công bố thông tin về quản trị công ty	Cập nhật STT
<b>Điều 36.</b> Công bố thông tin về thu nhập của Giám đốc	<b>Điều 37.</b> Công bố thông tin về thu nhập của Giám đốc	Cập nhật STT
<b>Điều 37.</b> Tổ chức công bố thông tin	<b>Điều 38.</b> Tổ chức công bố thông tin	Cập nhật STT
<b>Chương X</b> <b>GIÁM SÁT VÀ XỬ LÝ VI PHẠM</b>	<b>CHƯƠNG X. GIÁM SÁT VÀ XỬ LÝ VI PHẠM</b>	Điều chỉnh cách ghi tiêu đề

<b><u>Điều 38.</u></b> Giám sát về quản trị công ty	<b>Điều 39.</b> Giám sát về quản trị công ty	Cập nhật STT
<b><u>Điều 39.</u></b> Xử lý vi phạm	<b>Điều 40.</b> Xử lý vi phạm	Cập nhật STT
<b><u>Chương XI</u></b> <b>ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH</b>	<b>CHƯƠNG XI.ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH</b>	Điều chỉnh cách ghi tiêu đề
<b><u>Điều 40.</u></b> Sửa đổi bổ sung	<b>Điều 41.</b> Sửa đổi bổ sung	Cập nhật STT
<b><u>Điều 41.</u></b> Ngày hiệu lực	<b>Điều 42.</b> Hiệu lực thi hành	Cập nhật STT
1. Quy chế này gồm <b>XI chương, 41 Điều và 09 Phụ lục</b> , được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Bia Hà Nội - Thanh Hoá thống nhất thông qua <b>ngày 22 tháng 11 năm 2018</b> và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Quy chế này.	1. Quy chế này gồm <b>11 chương, 42 Điều và 08 Phụ lục</b> , được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Bia Hà Nội - Thanh Hoá thống nhất thông qua <b>ngày 27 tháng 04 năm 2021</b> và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Quy chế này.	Cập nhật thông tin
<b><u>Phụ lục I</u></b> <b>TRÌNH TỰ, THỦ TỤC VỀ TRIỆU TẬP VÀ BIỂU QUYẾT TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG</b>	<b>PHỤ LỤC I. TRÌNH TỰ, THỦ TỤC VỀ TRIỆU TẬP VÀ BIỂU QUYẾT TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG</b>	Điều chỉnh cách ghi tiêu đề
(Ban hành kèm theo Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty ngày <b>22 tháng 11 năm 2018</b> của Công ty Cổ phần Bia Hà Nội - Thanh Hoá) Căn cứ: <b>+ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014;</b> <b>+ Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29 tháng 06 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán số 62/2010/QH12 thông qua ngày</b>	(Ban hành kèm theo Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty ngày <b>27 tháng 04 năm 2021</b> của Công ty Cổ phần Bia Hà Nội - Thanh Hoá) Căn cứ: <b>+ Luật Doanh nghiệp là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020;</b> <b>+ Luật Chứng khoán là Luật chứng khoán số</b>	Cập nhật thời gian Cập nhật văn bản pháp luật

<p><b><u>24 tháng 11 năm 2010 ;</u></b></p> <p><b><u>+ Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 06 năm 2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;</u></b></p> <p><b><u>+ Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22 tháng 09 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;</u></b></p> <p><b><u>+ Thông tư 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 hướng dẫn về Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;</u></b></p> <p><b><u>+ Quy chế thực hiện quyền của Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam;</u></b></p> <p>+ Điều lệ Công ty Cổ phần Bia Hà Nội - Thanh Hoá.</p>	<p><b>54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;</b></p> <p><b>+ Nghị định 155/2020/NĐ – CP là Nghị định số 155/2020/NĐ – CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;</b></p> <p><b>+ Thông tư 116/2020/TT – BTC là Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại nghị định số 155/2020/nd-cp ngày 31 tháng 12 năm 2020 của chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán;</b></p> <p><b>+ Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 hướng dẫn về Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;</b></p> <p><b>+ Quy chế thực hiện quyền của Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam;</b></p> <p>+ Điều lệ Công ty Cổ phần Bia Hà Nội - Thanh Hoá.</p>	
<p>Không có</p>	<p><b>Mục 1. Quy định chung</b></p>	<p>Bổ sung tiêu đề mục</p>
<p><b>Điều 1. Phạm vi điều chỉnh</b></p> <p>1. Phụ lục này quy định về trình tự, thủ tục triệu tập và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông, bao gồm nội dung chính sau:</p> <p>a) Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông;</p>	<p><b>Điều 1. Phạm vi điều chỉnh</b></p> <p>1. Phụ lục này quy định về trình tự, thủ tục triệu tập và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông, bao gồm nội dung chính sau:</p> <p><b>a) Thảm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông;</b></p> <p><b>b) Lập Danh sách cổ đông có quyền dự họp;</b></p>	<p>Bổ sung theo Khoản 2 Điều 2 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC</p>

<p>b) Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>c) Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>d) Cách thức bỏ phiếu;</p> <p>e) Cách thức kiểm phiếu;</p> <p>f) Thông báo kết quả kiểm phiếu;</p> <p>g) Cách thức phản đối <b>quyết định</b> của Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>h) Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>i) Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;</p> <p><b><u>j) Việc Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản (bao gồm: Quy trình lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và các trường hợp không được lấy ý kiến bằng văn bản);</u></b></p> <p>k) Các vấn đề khác.</p>	<p>c) Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>d) Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông;</p> <p><b>e) Chương trình, nội dung Đại hội đồng cổ đông;</b></p> <p><b>f) Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông;</b></p> <p>g) Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông;</p> <p><b>h) Điều kiện tiến hành;</b></p> <p><b>i) Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;</b></p> <p>j) Cách thức bỏ phiếu;</p> <p>k) Cách thức kiểm phiếu;</p> <p><b>l) Thông báo kết quả kiểm phiếu;</b></p> <p><b>m) Điều kiện để nghị quyết được thông qua;</b></p> <p>n) Cách thức phản đối <b>nghị quyết</b> của Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>o) Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>p) Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.</p> <p><b>q) Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản;</b></p> <p><b>r) Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến hoặc bằng hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với</b></p>	
--	---	--

	<b>trực tuyến;</b> s) Các vấn đề khác.	
Không có	<b>Mục 2. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông</b>	Bổ sung tiêu đề mục
Không có	<b>Điều 3. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông</b> <b>1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 13 Điều lệ Công ty hoặc Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại điểm b và điểm c khoản 4 Điều 13 Điều lệ Công ty.</b> <b>2. Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá sáu (06) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.</b> <b>3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc theo quy định tại khoản 2 Điều 17 Điều lệ Công ty.</b>	Bổ sung quy định theo hướng dẫn tại Khoản 2 Điều 2 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC, phù hợp với Điều 139 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp
Không có	<b>Điều 4. Lập Danh sách cổ đông có quyền dự họp</b> <b>Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách</b>	Bổ sung quy định theo hướng dẫn tại Khoản 2 Điều 2 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC,

	<p><b>cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập dựa trên sổ đăng ký cổ đông của công ty. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá mười (10) ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ 1.</b></p> <p><b>Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại, số và ngày đăng ký cổ đông của từng cổ đông (nếu có).</b></p>	<p>phù hợp Điều 141 Luật Doanh nghiệp</p>
<p><b>Điều 3. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p>Công ty phải báo cáo và nộp đầy đủ các tài liệu là căn cứ pháp lý liên quan đến ngày đăng ký cuối cùng dự kiến thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu cho Trung tâm lưu ký chứng khoán, Sở giao dịch chứng khoán (trường hợp là tổ chức niêm yết, đăng ký giao dịch), báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, đồng thời công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu <b>20 (hai mươi)</b> ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.</p>	<p><b>Điều 5. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p>Công ty phải báo cáo và nộp đầy đủ các tài liệu là căn cứ pháp lý liên quan đến ngày đăng ký cuối cùng dự kiến thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu cho Trung tâm lưu ký chứng khoán, Sở giao dịch chứng khoán (trường hợp là tổ chức niêm yết, đăng ký giao dịch), báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, đồng thời công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu <b>hai mươi (20)</b> ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.</p>	<p>Thống nhất cách ghi số</p>
<p><b>Điều 4. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p><b><u>1. Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; tên, địa chỉ thường trú của cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền của cổ đông; thời gian và địa điểm họp, cách thức đăng ký tham dự</u></b></p>	<p><b>Điều 6. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p><b>Việc thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 17 Điều lệ Công ty. Tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông phải được đăng tải và cập nhật các</b></p>	<p>Bỏ nội dung trùng lặp tại Điều lệ Công ty và bổ sung dẫn chiếu đến quy định đã sửa đổi tại Điều lệ Công ty</p> <p>Sửa đổi, bổ sung phù hợp với</p>

<p><u>họp Đại hội đồng cổ đông và những yêu cầu khác đối với người dự họp.</u></p> <p><u>2. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán (đối với các công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch). Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 10(mười) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm: a.Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;</u></p> <p><u>b.Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;</u></p> <p><u>c.Phiếu biểu quyết; Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp; Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.</u></p>	<p><b>sửa đổi, bổ sung (nếu có) cho tới khi kết thúc Đại hội đồng cổ đông.</b></p>	<p>điểm a khoản 3 Điều 10 Tổng tư 96/2020/TT-BTC</p>
<p>Không có</p>	<p><b>Điều 7. Chương trình, nội dung Đại hội</b></p>	<p>Bổ sung quy định theo hướng</p>

	<p><b>a) Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chuẩn bị chương trình, nội dung cuộc họp.</b></p> <p><b>b) Việc kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp của cổ đông thực hiện theo quy định tại khoản 4, khoản 5 và khoản 6 Điều 17 Điều lệ Công ty.</b></p>	<p>dẫn tại Khoản 2 Điều 2 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC</p> <p>Bổ sung dẫn chiếu đến quy định liên quan tại Điều lệ</p>
Không có	<p><b>Điều 8. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p><b>Các cổ đông có quyền tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật có thể ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện tham dự. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông thực hiện theo quy định tại Điều 15 Điều lệ Công ty.</b></p>	<p>Bổ sung quy định theo hướng dẫn tại Khoản 2 Điều 2 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC</p> <p>Bổ sung dẫn chiếu đến quy định liên quan tại Điều lệ</p>
<b>Điều 5.Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông</b>	<b>Điều 9.Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông</b>	Cập nhật STT
<p><b>Điều 6.Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông và Kiểm tra tư cách đại biểu vào ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p>1. Khi đến tham dự cuộc họp, cổ đông phải mang theo Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác và Thông báo mời họp.</p>	<p><b>Điều 10.Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông và Kiểm tra tư cách đại biểu vào ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p>1. Khi đến tham dự cuộc họp, cổ đông, <b>người được ủy quyền dự họp của cổ đông</b> phải mang theo Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác và Thông báo mời họp.</p>	Điều chỉnh nội dung phù hợp với Luật Doanh nghiệp và thực hành của Doanh nghiệp
3. Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để	3. Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để	



cho <b>cổ đông</b> đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.	cho <b>đại biểu</b> đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.	
4. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết <b>một thẻ/phiếu biểu quyết</b> , trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Thẻ biểu quyết được Công ty in, đóng dấu treo và gửi trực tiếp cho đại biểu tại Đại hội.	4. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết <b>một thẻ biểu quyết và/ hoặc các phiếu biểu quyết và/ hoặc phiếu bầu cử</b> , trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông <b>hoặc</b> họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết <b>hoặc số phiếu bầu cử</b> của cổ đông <b>hoặc đại diện được ủy quyền</b> đó. Thẻ biểu quyết được Công ty in, đóng dấu treo và gửi trực tiếp cho đại biểu tại Đại hội.	
Không có	<b>Điều 11. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông</b> <b>Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi đáp ứng các quy định tại Điều 18 Điều lệ Công ty.</b>	Bổ sung quy định theo hướng dẫn tại Khoản 2 Điều 2 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC  Bổ sung dẫn chiếu đến quy định liên quan tại Điều lệ
Không có	<b>Điều 12. Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông</b> <b>Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề được quy định tại khoản 2 Điều 20 Điều lệ Công ty phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.</b>	Bổ sung quy định theo hướng dẫn tại Khoản 2 Điều 2 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC  Bổ sung dẫn chiếu đến quy định liên quan tại Điều lệ
<b>Điều 7. Cách thức bỏ phiếu, kiểm phiếu và thông báo kết quả kiểm phiếu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông</b>  1. Tất cả các vấn đề trong chương trình và nội dung họp của Đại hội đều phải được Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết công khai. Đại hội tiến hành biểu quyết	<b>Điều 13. Cách thức bỏ phiếu, kiểm phiếu và thông báo kết quả kiểm phiếu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông</b>  <b>1. Thẻ thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 20 Điều lệ Công ty.</b> Tất cả các vấn đề trong chương trình và nội	Bổ sung dẫn chiếu đến quy định liên quan tại Điều lệ Công ty  Diễn đạt lại khoản 3 Điều 13 Phụ lục 1 Quy chế sửa đổi theo

<p>bằng cách giơ thẻ/hoặc bỏ phiếu. Cụ thể về các cách thức bỏ phiếu sẽ được quy định chi tiết trong quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông của mỗi cuộc họp.</p>	<p>dung họp của Đại hội đều phải được Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết công khai. Đại hội tiến hành biểu quyết bằng cách giơ thẻ/hoặc bỏ phiếu. Cụ thể về các cách thức bỏ phiếu sẽ được quy định chi tiết trong quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông của mỗi cuộc họp.</p>	<p>khoản 5 Điều 146 Luật Doanh nghiệp</p>
<p>3. Công bố kết quả kiểm phiếu: Kết quả kiểm phiếu được <b><u>Ban kiểm phiếu đọc công khai trước Đại hội đồng cổ đông.</u></b></p>	<p>3. Công bố kết quả kiểm phiếu: Kết quả kiểm phiếu được <b>chủ tọa hoặc trưởng ban kiểm phiếu công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.</b></p>	
<p>Không có</p>	<p><b>Điều 14. Điều kiện để nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p><b>Điều kiện để nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được quy định tại Điều 20 Điều lệ Công ty.</b></p>	<p>Bổ sung quy định theo hướng dẫn tại Khoản 2 Điều 2 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC</p> <p>Bổ sung dẫn chiếu đến quy định liên quan tại Điều lệ</p>
<p><b><u>Điều 8.Lập Biên bản Đại hội đồng cổ đông</u></b></p> <p>1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;</p> <p>b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>c) Chương trình và nội dung cuộc họp;</p> <p>d) Họ, tên chủ tọa và thư ký;</p> <p>e) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong nội dung</p>	<p><b>Điều 15.Lập Nghị quyết, Biên bản Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p>1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;</p> <p>b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>c) Chương trình và nội dung cuộc họp;</p> <p>d) Họ, tên chủ tọa và thư ký;</p> <p>e) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại</p>	<p>Sửa phù hợp với Điều 150 Luật Doanh nghiệp và Điều 23 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC</p>

<p>chương trình họp;</p> <p>f) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;</p> <p>g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;</p> <p>h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;</p> <p>i) <b>Chữ ký</b> của chủ tọa và thư ký.</p> <p>Biên bản <b>được</b> lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.</p> <p><b>2.</b> Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp.</p> <p><b>3.</b> Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.</p>	<p>Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;</p> <p>f) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;</p> <p>g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;</p> <p>h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;</p> <p>i) <b>Họ, tên, chữ ký</b> của chủ tọa và thư ký. <b>Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.</b></p> <p><b>2.Nghị quyết,</b>Biên bản lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung <b>giữ</b> biên bản <b>bằng</b> tiếng Việt và <b>bằng</b> tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản <b>bằng</b> tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.</p> <p><b>3.Nghị quyết,</b>Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp.</p> <p><b>4.</b>Chủ tọa và thư ký cuộc họp <b>hoặc người khác ký tên trong biên bản họp</b> phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.</p>	
---	---	--

<p><b><u>Điều 9.</u></b>Công bố Biên bản họp và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông</p> <p><b><u>Công ty phải công bố Biên bản họp và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch Chứng trong thời hạn 24 giờ theo quy định của pháp luật chứng khoán và thị trường chứng khoán.</u></b></p>	<p><b><u>Điều 16.</u></b>Công bố Biên bản họp và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông</p> <p><b><u>Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và phải được công bố đầy đủ trên trang thông tin điện tử của Công ty, cổng thông tin điện tử của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch chứng khoán trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ kể từ được Đại hội đồng cổ đông thông qua và theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.</u></b></p>	<p>Sửa phù hợp với Điều 150 Luật Doanh nghiệp và Điều 23 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC</p>
<p><b><u>Điều 10.</u></b>Cách thức phản đối quyết định của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1.Trong thời hạn <b><u>90 (chín mươi)</u></b> ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, nhóm cổ đông <b><u>quy định</u></b> sở hữu từ <b><u>05% (năm phần trăm)</u></b> tổng số cổ phần phổ thông trở lên <b><u>trong thời hạn liên tục ít nhất 06 (sáu) tháng</u></b> có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a) Trình tự <b><u>và</u></b> thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông <b><u>không thực hiện đúng theo</u></b> quy định của <b><u>Luật này</u></b> và Điều lệ công ty, trừ trường hợp <b><u>các</u></b> nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng <b><u>100% (một trăm phần trăm)</u></b> tổng số cổ phần có quyền biểu quyết; Trường hợp này Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được coi là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự <b><u>và</u></b> thủ tục thông qua nghị quyết đó không</p>	<p><b><u>Điều 17.</u></b>Cách thức phản đối quyết định của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1.Trong thời hạn <b><u>chín mươi (90)</u></b> ngày, kể từ ngày nhận được <b><u>nghị quyết hoặc</u></b> biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ <b><u>năm phần trăm (05%)</u></b> tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a) Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông <b><u>vi phạm nghiêm trọng</u></b> quy định của <b><u>Luật Doanh nghiệp</u></b> và Điều lệ công ty, trừ trường hợp nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng <b><u>một trăm phần trăm (100%)</u></b> tổng số cổ phần có quyền biểu quyết. Trường hợp này Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được coi là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục <b><u>triệu tập họp và</u></b> thông qua nghị quyết</p>	<p>Sửa phù hợp với Điều 151 và Điều 132 Luật Doanh nghiệp</p> <p>Thống nhất cách ghi số</p>

<p>được thực hiện đúng như quy định.</p> <p>b) Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ công ty.</p> <p>2. Cổ đông <b>biểu quyết phản đối</b> nghị quyết về việc tổ chức lại công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ công ty có quyền yêu cầu công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến công ty trong thời hạn <b>10 (mười)</b> ngày, kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết về các vấn đề quy định tại khoản này.</p> <p>3. Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại Khoản 2 Điều này với giá thị trường hoặc giá được tính theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty trong thời hạn <b>90 (chín mươi)</b> ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thỏa thuận được về giá thì các bên có thể yêu cầu một tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp định giá. Công ty giới thiệu ít nhất <b>03 (ba)</b> tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.</p>	<p>đó không được thực hiện đúng như quy định.</p> <p>b) Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ công ty.</p> <p>2. Cổ đông <b>đã biểu quyết không thông</b> nghị quyết về việc tổ chức lại công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ công ty có quyền yêu cầu công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến công ty trong thời hạn <b>mười (10)</b> ngày, kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết về các vấn đề quy định tại khoản này.</p> <p>3. Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại Khoản 2 Điều này với giá thị trường hoặc giá được tính theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty trong thời hạn <b>chín mươi (90)</b> ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thỏa thuận được về giá thì các bên có thể yêu cầu một tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp định giá. Công ty giới thiệu ít nhất <b>ba (03)</b> tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.</p>	
<p>Không có</p>	<p><b>Mục 3. Trình tự, thủ tục Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản</b></p>	<p>Bổ sung tiêu đề mục</p>
<p><b>Điều 11. Thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p>1. Ngoại trừ các nội dung, vấn đề phải được Đại hội đồng Cổ đông thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp</p>	<p><b>Điều 18. Thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p>1. Ngoại trừ các nội dung, vấn đề phải được Đại hội đồng Cổ đông thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp</p>	<p>Cập nhật dẫn chiếu đến quy định liên quan tại Điều lệ</p>

<p>Đại hội đồng Cổ đông quy định tại khoản 2 <b>Điều 14</b> Điều lệ công ty, Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty;</p>	<p>Đại hội đồng Cổ đông quy định tại khoản 2 <b>Điều 20</b> Điều lệ công ty, Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty;</p>	
<p><b>2. <u>Trình tự thủ tục lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông:</u></b></p> <p>a) Chuẩn bị tài liệu:</p> <p>Hội đồng quản trị phải chuẩn bị: Phiếu lấy ý kiến, dự thảo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo Nghị quyết. <b><u>Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi chậm nhất 10 (mười) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến.</u></b></p> <p><b><u>Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</u></b></p> <p><b><u>+ Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;</u></b></p> <p><b><u>+ Mục đích lấy ý kiến;</u></b></p> <p><b><u>+ Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;</u></b></p>	<p><b>2. <u>Trình tự, thủ tục Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản:</u></b></p> <p>a) Chuẩn bị tài liệu:</p> <p>Hội đồng quản trị phải chuẩn bị: Phiếu lấy ý kiến, dự thảo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo Nghị quyết. <b><u>Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung theo quy định tại khoản 3 Điều 21 Điều lệ Công ty.</u></b></p>	<p>Điều chỉnh cách diễn đạt</p> <p>Bỏ nội dung trùng lặp tại Điều lệ Công ty và bổ sung dẫn chiếu đến quy định đã sửa đổi tại Điều lệ Công ty</p> <p>Bỏ nội dung trùng lặp với quy định tại điểm c khoản này</p>

<p><b><u>+ Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;</u></b></p> <p><b><u>+ Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;</u></b></p> <p><b><u>+ Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;</u></b></p> <p><b><u>+ Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Công ty.</u></b></p>		
<p>b) Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông để thực hiện lấy ý kiến cổ đông bằng Văn bản</p> <p>Công ty công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền biểu quyết để thông qua Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bằng hình thức xin ý kiến cổ đông bằng văn bản, tối thiểu <b>20</b> ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.</p>	<p>b) Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông để thực hiện lấy ý kiến cổ đông bằng Văn bản</p> <p>Công ty công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền biểu quyết để thông qua Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bằng hình thức xin ý kiến cổ đông bằng văn bản, tối thiểu <b>hai mươi (20)</b> ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.</p> <p><b>Việc lập danh sách cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến thực hiện theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 141 của Luật Doanh nghiệp và Điều 4 Phụ lục 1 Quy chế này.</b></p>	<p>Bổ sung quy định về việc lập danh sách cổ đông theo khoản 2 Điều 149 và Điều 141 Luật Doanh nghiệp</p>
<p>c) Gửi tài liệu và phiếu lấy ý kiến cho cổ đông</p> <p>Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ đăng ký của từng cổ đông.</p> <p>Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi chậm nhất <b>10 (mười)</b> ngày trước ngày</p>	<p>c) Gửi tài liệu và phiếu lấy ý kiến cho cổ đông</p> <p>Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ đăng ký của từng cổ đông.</p> <p>Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi chậm nhất <b>mười (10)</b> ngày trước ngày</p>	<p>Bổ sung quy định theo khoản 2 Điều 149 Luật Doanh nghiệp</p> <p>Thống nhất cách ghi số</p>

<p>hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến.</p>	<p>hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến.</p> <p><b>Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo thực hiện tương tự theo quy định tại khoản 2, khoản 3 và khoản 4 Điều 143 của Luật Doanh nghiệp;</b></p>	
<p>e) Kiểm phiếu và Lập biên bản kiểm phiếu</p> <p>- Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không phải là người <b>điều hành</b> doanh nghiệp.</p> <p><b>- Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</b></p> <p><b>+ Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;</b></p> <p><b>+ Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;</b></p> <p><b>+ Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số phiếu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;</b></p> <p><b>+ Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;</b></p> <p><b>+ Các vấn đề đã được thông qua;</b></p> <p><b>+ Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của Công ty, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.</b></p> <p>- Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm</p>	<p>e) Kiểm phiếu và Lập biên bản kiểm phiếu</p> <p>Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không phải là người <b>quản lý</b> doanh nghiệp.<b>Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung quy định tại khoản 5 Điều 21 Điều lệ Công ty.</b></p> <p>Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.</p>	<p>Bỏ một số nội dung trùng lặp tại Điều lệ Công ty và bổ sung dẫn chiếu đến quy định đã sửa đổi tại Điều lệ Công ty</p>



về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.		
f) Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện <b>ít nhất 51%</b> tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận, trừ các quy định tại <b>Khoản 3 Điều 20 Điều lệ công ty</b> và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.	f) Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện <b>trên năm mươi phần trăm (50%)</b> tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận, trừ các quy định tại <b>Khoản 3, Khoản 5, Khoản 6 Điều 20 Điều lệ công ty</b> và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.	Sửa phù hợp với khoản 6 Điều 149 Luật Doanh nghiệp và khoản 7 Điều 22 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC Cập nhật dẫn chiếu đến quy định liên quan tại Điều lệ
g) Thông báo kết quả kiểm phiếu Biên bản kiểm phiếu phải công bố thông tin trong vòng <b>24h (hai mươi bốn giờ)</b> theo quy định của pháp luật chứng khoán và thị trường chứng khoán.	g) Thông báo kết quả kiểm phiếu Biên bản kiểm phiếu <b>và nghị quyết</b> phải <b>được</b> công bố thông tin trong vòng <b>hai mươi bốn (24) giờ</b> theo quy định của pháp luật chứng khoán và thị trường chứng khoán.	Sửa phù hợp với khoản 5 Điều 149 Luật Doanh nghiệp và khoản 6 Điều 22 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC
Không có	<b>Mục 4. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến hoặc bằng hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến</b>	Bổ sung quy định về tổ chức ĐHĐCĐ bằng hình thức hội nghị trực tuyến hoặc bằng hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến
Không có	<b>Điều 19 Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến hoặc bằng hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến</b>	
Không có	<b>1. Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông</b>	

**Việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo hình thức hội nghị trực tuyến hoặc hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến thực hiện tương tự quy định tại Điều 3 Phụ lục I ban hành kèm theo Quy chế này.**

**2. Lập Danh sách cổ đông có quyền dự họp và thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông**

**a. Việc lập danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông và thông báo việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp cuộc họp được tổ chức bằng hình thức hội nghị trực tuyến hoặc bằng hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến thực hiện tương tự quy định tại Điều 4 và Điều 5 Phụ lục I ban hành kèm theo Quy chế này.**

**b. Việc thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo hình thức hội nghị trực tuyến hoặc hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến thực hiện theo quy định tại Điều 6 Phụ lục I ban hành kèm theo Quy chế này. Thông báo mời họp phải quy định rõ cách thức đăng ký và tham dự họp trực tuyến, cách thức bỏ phiếu điện tử và phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận.**

**3. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông**

**a. Cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền của cổ đông (nếu có) tham dự họp thông qua hình thức hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử truy cập vào hệ thống Đại hội đồng cổ đông trực tuyến để thực hiện đăng ký tham dự họp. Công ty sẽ cấp cho mỗi cổ đông một (01) tên đăng nhập kèm mật khẩu tương ứng để**

truy cập vào hệ thống nêu trên. Hướng dẫn cụ thể sẽ được ghi trong thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông và Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông.

**b. Cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền của cổ đông (nếu có) có thể đăng ký tham dự họp trực tiếp (trong trường hợp tổ chức ĐHĐCĐ theo hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến) theo quy định tại Điều 9 và Điều 10 Phụ lục I ban hành kèm theo Quy chế này và theo hướng dẫn ghi trong thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông và Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông.**

#### **4. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông**

Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông tổ chức bằng hình thức hội nghị trực tuyến hoặc bằng hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến được thực hiện theo quy định tại Điều 15 Điều lệ Công ty và những cách thức được quy định tại thông báo họp Đại hội đồng cổ đông.

#### **5. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông**

Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông tổ chức bằng hình thức hội nghị trực tuyến hoặc hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến được tiến hành khi đáp ứng các quy định tại Điều 18 Điều lệ Công ty.

#### **6. Cách thức biểu quyết, kiểm phiếu, và thông báo kết quả kiểm phiếu**

**a. Cách thức bỏ phiếu, thực hiện biểu quyết, bầu cử tại**

cuộc họp Đại hội đồng cổ đông tổ chức bằng hình thức hội nghị trực tuyến hoặc hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến sẽ được quy định chi tiết trong Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông của mỗi cuộc họp.

b. Cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền của cổ đông dự họp thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử truy cập vào hệ thống Đại hội đồng cổ đông trực tuyến quy định tại điểm a khoản 3 Điều này để thực hiện biểu quyết/ bầu cử. Khi cổ đông tiến hành bỏ phiếu điện tử, số ý kiến "Tán thành", "Không tán thành", "Không có ý kiến" đối với từng nội dung biểu quyết và số phiếu bầu cử cho từng ứng viên được ghi nhận trên hệ thống Đại hội đồng cổ đông trực tuyến. Trong trường hợp tổ chức Đại hội đồng cổ đông theo hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến, những cổ đông dự họp trực tiếp thực hiện biểu quyết theo cách thức quy định tại Điều 13 Phụ lục I ban hành kèm theo Quy chế này. Ban kiểm phiếu chịu trách nhiệm kiểm phiếu và tổng hợp kết quả biểu quyết, bầu cử của tất cả các cổ đông dự họp.

c. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa hoặc trưởng ban kiểm phiếu công bố ngay sau khi có kết quả kiểm phiếu.

**7. Hình thức và điều kiện để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông**

Hình thức và điều kiện để thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông tuân thủ quy định tại Điều 20 Điều lệ Công ty.

	<p><b>8. Lập nghị quyết, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p>Việc lập nghị quyết, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo Điều 15 Phụ lục I ban hành kèm theo Quy chế này.</p> <p><b>9. Công bố Biên bản họp và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p>Việc công bố nghị quyết, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được thực hiện tương tự quy định tại Điều 16 Phụ lục I ban hành kèm theo Quy chế này.</p> <p><b>10. Cách thức phản đối Nghị quyết, Biên bản của Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p>Cách thức phản đối Nghị quyết, Biên bản của Đại hội đồng cổ đông được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến hoặc trực tiếp kết hợp với trực tuyến thực hiện theo quy định tại Điều 17 Phụ lục I ban hành kèm theo Quy chế này.</p> <p><b>11. Hiệu lực của Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p>Nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông tổ chức bằng hình thức hội nghị trực tuyến hoặc hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến có giá trị tương đương nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tiếp và có hiệu lực theo quy định tại Điều lệ Công ty.</p>	
<p><b>Phụ lục II</b></p> <p><b>TRÌNH TỰ, THỦ TỤC ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ, BẦU, MIỄN NHIỆM VÀ BÃI NHIỆM THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</b></p>	<p><b>PHỤ LỤC II. TRÌNH TỰ, THỦ TỤC ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ, BẦU, MIỄN NHIỆM VÀ BÃI NHIỆM THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</b></p>	<p>Điều chỉnh cách ghi tiêu đề</p>

<p>(Ban hành kèm theo Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty ngày <b>22 tháng 11 năm 2018</b>)</p> <p>của Công ty Cổ phần Bia Hà Nội - Thanh Hoá)</p> <p>Căn cứ:</p> <p><b><u>+ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014;</u></b></p> <p><b><u>+ Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29 tháng 06 năm 2006 và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật chứng khoán số 62/2010/QH12 thông qua ngày 24 tháng 11 năm 2010;</u></b></p> <p><b><u>+ Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 06 năm 2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;</u></b></p> <p><b><u>+ Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22 tháng 09 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;</u></b></p> <p><b><u>+ Điều lệ Công ty Cổ phần Bia Hà Nội - Thanh Hoá.</u></b></p>	<p>(Ban hành kèm theo Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty ngày <b>27 tháng 04 năm 2021</b>)</p> <p>của Công ty Cổ phần Bia Hà Nội - Thanh Hoá)</p> <p>Căn cứ:</p> <p><b>+ Luật Doanh nghiệp là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020;</b></p> <p><b>+ Luật Chứng khoán là Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;</b></p> <p><b>+ Nghị định 155/2020/NĐ – CP là Nghị định số 155/2020/NĐ – CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;</b></p> <p><b>+ Thông tư 116/2020/TT – BTC là Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại nghị định số 155/2020/nđ-cp ngày 31 tháng 12 năm 2020 của chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán;</b></p> <p>+ Điều lệ Công ty Cổ phần Bia Hà Nội - Thanh Hoá.</p>	<p>Cập nhật thời gian</p> <p>Cập nhật văn bản pháp luật</p>
<p><b>Điều 1. Phạm vi điều chỉnh</b></p> <p>Phụ lục này quy định về trình tự, thủ tục đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, bao gồm nội dung chính sau:</p>	<p><b>Điều 1. Phạm vi điều chỉnh</b></p> <p>Phụ lục này quy định về trình tự, thủ tục đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, bao gồm nội dung chính sau:</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung theo hướng dẫn tại Khoản 2 Điều 3 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC</p>

<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị;</li> <li>+ Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí thành viên Hội đồng quản trị <b><u>của theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;</u></b></li> <li>+ Cách thức Hội đồng quản trị giới thiệu ứng viên thành viên Hội đồng quản trị.</li> <li>+ Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị;</li> <li>+ Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị;</li> <li>+ Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị;</li> </ul> <p>2. Công ty ban hành qui định trên cơ sở tuân thủ đầy đủ trình tự, thủ tục đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật, Điều lệ và các quy định nội bộ của Công ty.</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị;</li> <li>+ Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí thành viên Hội đồng quản trị;</li> <li>+ Cách thức Hội đồng quản trị giới thiệu ứng viên thành viên Hội đồng quản trị.</li> <li>+ Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị;</li> <li>+ Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm <b>và bầu bổ sung</b> thành viên Hội đồng quản trị;</li> <li>+ Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị;</li> </ul> <p>2. Công ty ban hành qui định trên cơ sở tuân thủ đầy đủ trình tự, thủ tục đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật, Điều lệ và các quy định nội bộ của Công ty.</p>	
<p><b>Điều 3. Tiêu chuẩn làm thành viên Hội đồng quản trị</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Thành viên Hội đồng quản trị có tiêu chuẩn và điều kiện theo <b><u>Điều 25</u></b> Điều lệ công ty.</li> <li>2. Số lượng và cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo <b><u>Điều 25</u></b> Điều lệ công ty.</li> </ol>	<p><b>Điều 3. Tiêu chuẩn làm thành viên Hội đồng quản trị</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Thành viên Hội đồng quản trị có tiêu chuẩn và điều kiện theo <b>Điều 26</b> Điều lệ công ty.</li> <li>2. Số lượng và cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo <b>Điều 26</b> Điều lệ công ty.</li> </ol>	<p>Cập nhật dẫn chiếu đến quy định liên quan tại Điều lệ</p>
<p><b>Điều 4. Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị, cách thức Hội đồng quản trị giới thiệu ứng viên thành viên Hội đồng quản trị</b></p> <p><b><u>1. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng</u></b></p>	<p><b>Điều 4. Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị, cách thức Hội đồng quản trị giới thiệu ứng viên thành viên Hội đồng quản trị</b></p> <p><b>1. Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí thành viên Hội đồng quản trị:</b></p>	<p>Bỏ nội dung trùng lặp tại Điều lệ Công ty và bổ sung dẫn chiếu đến quy định đã sửa đổi tại Điều lệ Công ty</p> <p>Bổ sung quy định theo khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp</p>

quản trị được công bố tối thiểu 10 (mười) ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu, ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, trung thành, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố tối thiểu bao gồm:

a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;

b) Trình độ học vấn;

c) Trình độ chuyên môn;

d) Quá trình công tác;

e) Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác;

f) Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên Hội đồng quản trị của công ty;

g) Các lợi ích có liên quan tới công ty (nếu có);

h) Họ tên của cổ đông, nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);

Công ty phải đảm bảo cổ đông có thể tiếp cận thông tin về các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Các ứng viên Hội đồng quản trị có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải

**Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo khoản 1 và khoản 2 Điều 25 Điều lệ Công ty. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ năm phần trăm (05%) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị thực hiện như sau:**

**a) Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;**

**b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quy định tại khoản 2 Điều 25 Điều lệ Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị và các cổ đông khác đề cử.**



<p><u>cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị.</u></p> <p><u>3. Các cổ đông nắm giữ số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 05% (năm) đến dưới 10% (mười) số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng được đề cử một thành viên; từ 10% (mười) đến dưới 30% (ba mươi) được đề cử hai thành viên; từ 30% (ba mươi) đến dưới 50% (năm mươi) được đề cử ba thành viên; từ 50% (năm mươi) đến dưới 65% (sáu lăm) được đề cử bốn thành viên và nếu từ 65% (sáu lăm) trở lên được đề cử đủ số ứng viên. Việc đề cử ứng viên Hội đồng quản trị mà các cổ đông sau khi gộp số quyền biểu quyết có quyền đề cử phải thực hiện theo các biểu mẫu mà Công ty cung cấp và tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.</u></p>		
<p><b>4.</b> Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết (số lượng ứng viên phải bằng hoặc lớn số lượng thành viên Hội đồng quản trị được Đại hội đồng cổ đông đã thông qua để bầu cử tại cuộc họp), trong thời hạn <b>03</b> ngày trước thời điểm tiến hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên, ứng viên do Hội đồng quản trị giới thiệu phải được đa số thành viên Hội đồng quản trị biểu quyết thông qua. Danh sách ứng viên Hội đồng quản trị sẽ được Đại hội đồng cổ</p>	<p><b>2. Cách thức Hội đồng quản trị giới thiệu ứng viên thành viên Hội đồng quản trị:</b></p> <p>Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết (số lượng ứng viên phải bằng hoặc lớn số lượng thành viên Hội đồng quản trị được Đại hội đồng cổ đông đã thông qua để bầu cử tại cuộc họp), trong thời hạn <b>ba (03)</b> ngày trước thời điểm tiến hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên, ứng viên do Hội đồng quản trị giới thiệu phải được đa số thành</p>	<p>Điều chỉnh cách diễn đạt Thống nhất cách ghi số</p>

<p>đồng thông qua trước khi tiến hành bầu cử.</p>	<p>viên Hội đồng quản trị biểu quyết thông qua. Danh sách ứng viên <b>thành viên</b>Hội đồng quản trị sẽ được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành bầu cử.</p>	
<p><b>Điều 5. Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị</b></p> <p>Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại <b>Điều 10 Quy chế quản trị công ty</b>. Trường hợp có từ <b>02</b> ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau.</p>	<p><b>Điều 5. Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị</b></p> <p>Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại <b>Điều 11 Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty</b>. Trường hợp có từ <b>hai (02)</b> ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau.</p>	<p>Cập nhật dẫn chiếu đến quy định liên quan tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty</p> <p>Thống nhất cách ghi số</p>
<p><b>Điều 6. Miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị</b></p> <p><b>1. Thành viên Hội đồng quản trị bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây:</b></p> <p><b>a) Thành viên đó không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;</b></p> <p><b>b) Thành viên đó gửi đơn bằng văn bản xin từ chức</b></p>	<p><b>Điều 6. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, <b>bầu bổ sung</b> thành viên Hội đồng quản trị</b></p> <p><b>1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:</b></p> <p><b>a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 26 Điều lệ Công ty;</b></p> <p><b>b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;</b></p> <p><b>c) Bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội</b></p>	<p>Sửa đổi, bổ sung phù hợp với Điều 160 và khoản 2 Điều 140 Luật Doanh nghiệp và hướng dẫn tại Khoản 2 Điều 3 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC</p>

đền trừ sở chính của Công ty;

c) Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;

d) Thành viên đó vắng mặt không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị liên tục trong vòng sáu tháng, và trong thời gian này Hội đồng quản trị không cho phép thành viên đó vắng mặt và đã phán quyết rằng chức vụ của người này bị bỏ trống.

2. Thành viên Hội đồng quản trị có thể bị bãi nhiệm theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

**đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi.**

**d) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.**

**2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:**

**a) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;**

**b) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.**

**3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.**

**4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:**

**a) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị không đảm bảo theo quy định.**

**b) Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn sáu mươi (60) ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba (1/3);**

	<b>c) Trừ các trường hợp tại điểm a và điểm b khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.</b>	
Không có	<p><b>5. Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị</b></p> <p><b>a) Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một (01) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.</b></p> <p><b>b) Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể bị bãi nhiệm, miễn nhiệm theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày.</b></p>	Bổ sung theo hướng dẫn tại điểm h Khoản 2 Điều 3 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC phù hợp với Khoản 1 Điều 157 Luật Doanh nghiệp và khoản 4 Điều 29 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC
<b><u>Phụ lục III</u></b> <b>TRÌNH TỰ VÀ THỦ TỤC TỔ CHỨC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</b>	<b>PHỤ LỤC III. TRÌNH TỰ VÀ THỦ TỤC TỔ CHỨC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</b>	Điều chỉnh cách ghi tiêu đề
(Ban hành kèm theo Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty ngày <b>22 tháng 11 năm 2018</b> của Công ty Cổ phần Bia Hà Nội - Thanh Hoá)	(Ban hành kèm theo Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty ngày <b>27 tháng 04 năm 2021</b> của Công ty Cổ phần Bia Hà Nội - Thanh Hoá)	Cập nhật thời gian Cập nhật văn bản pháp luật

<p>Căn cứ:</p> <p><b><u>+ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014;</u></b></p> <p><b><u>+ Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29 tháng 06 năm 2006 và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật chứng khoán số 62/2010/QH12 thông qua ngày 24 tháng 11 năm 2010;</u></b></p> <p><b><u>+ Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 06 năm 2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;</u></b></p> <p><b><u>+ Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22 tháng 09 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;</u></b></p> <p>+ Điều lệ Công ty Cổ phần Bia Hà Nội - Thanh Hoá.</p>	<p>Căn cứ:</p> <p><b>+ Luật Doanh nghiệp là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020;</b></p> <p><b>+ Luật Chứng khoán là Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;</b></p> <p><b>+ Nghị định 155/2020/NĐ – CP là Nghị định số 155/2020/NĐ – CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;</b></p> <p><b>+ Thông tư 116/2020/TT – BTC là Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại nghị định số 155/2020/nđ-cp ngày 31 tháng 12 năm 2020 của chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán;</b></p> <p>+ Điều lệ Công ty Cổ phần Bia Hà Nội - Thanh Hoá.</p>	
<p><b>Điều 6. Điều kiện tổ chức họp Hội đồng quản trị</b></p> <p>1. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ <b><u>3/4 (ba phần tư)</u></b> trở lên tổng số thành viên Hội đồng quản trị <b><u>có mặt trực tiếp</u></b> hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền) nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận dự họp.</p> <p>2. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại Khoản 1 Điều này không đủ số thành viên dự họp theo</p>	<p><b>Điều 6. Điều kiện tổ chức họp Hội đồng quản trị</b></p> <p>1. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ <b>ba phần tư (3/4)</b> trở lên tổng số thành viên Hội đồng quản trị <b>dự họp</b> hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền) nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận dự họp.</p> <p>2. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại Khoản 1 Điều này không đủ số thành viên dự họp theo</p>	<p>Sửa phù hợp với khoản 8 và khoản 11 Điều 157 Luật Doanh nghiệp</p> <p>Thống nhất cách ghi số</p>

<p>quy định thì cuộc họp được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn <b>07</b> ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị <b>có mặt trực tiếp</b> hoặc người đại diện nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận dự họp.</p>	<p>quy định thì cuộc họp được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn <b>bảy (07)</b> ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa <b>(1/2)</b> số thành viên Hội đồng quản trị <b>dự họp</b> hoặc <b>thông qua</b> người đại diện nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận dự họp.</p>	
<p><b>Điều 7. Cách thức biểu quyết</b></p> <p>5. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại <b>Điểm a và Điểm b khoản 4 Điều 34</b> Điều lệ công ty được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.</p>	<p><b>Điều 7. Cách thức biểu quyết</b></p> <p>5. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại <b>Điểm a và Điểm b khoản 8 Điều 43</b> Điều lệ công ty được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.</p>	<p>Cập nhật dẫn chiếu đến quy định liên quan tại Điều lệ</p>
<p><b>Điều 9. Biên bản cuộc họp Hội đồng quản trị</b></p> <p>1. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;</p> <p>b) Mục đích, chương trình và nội dung họp;</p> <p>c) Thời gian, địa điểm họp;</p> <p>d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;</p> <p>e) Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;</p> <p>f) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;</p>	<p><b>Điều 9. Biên bản cuộc họp Hội đồng quản trị</b></p> <p>1. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;</p> <p>b) Mục đích, chương trình và nội dung họp;</p> <p>c) Thời gian, địa điểm họp;</p> <p>d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;</p> <p>e) Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;</p> <p>f) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung phù hợp với khoản 2 Điều 158 Luật Doanh nghiệp và Khoản 2 Điều 279 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP</p>

<p>g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;</p> <p>h) Các vấn đề đã được thông qua;</p> <p>i) Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản.</p>	<p>g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;</p> <p>h) Các vấn đề đã được thông qua <b>và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;</b></p> <p>i) Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản. <b>Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, e, f, g và h của khoản này thì biên bản này có hiệu lực. Nội dung được đa số thành viên dự họp tán thành tại biên bản họp Hội đồng quản trị phải được lập thành Nghị quyết thông qua.</b></p>	
<p>2. Chủ tọa <b>và</b> người ghi biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.</p>	<p>2. Chủ tọa, người ghi biên bản <b>và những người ký tên trong biên bản</b> phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung phù hợp với khoản 3 Điều 158 Luật Doanh nghiệp</p>
<p><b><u>Phụ lục IV</u></b> <b>TRÌNH TỰ VÀ THỦ TỤC ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ, BẦU, MIỄN NHIỆM VÀ BÃI NHIỆM KIỂM SOÁT VIÊN</b></p>	<p><b>PHỤ LỤC IV. TRÌNH TỰ VÀ THỦ TỤC ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ, BẦU, MIỄN NHIỆM VÀ BÃI NHIỆM KIỂM SOÁT VIÊN</b></p>	<p>Điều chỉnh cách ghi tiêu đề</p>
<p>(Ban hành kèm theo Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty ngày <b><u>22 tháng 11 năm 2018</u></b> của Công ty Cổ phần Bia Hà Nội - Thanh Hoá)</p> <p>Căn cứ: <b><u>+ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014;</u></b></p>	<p>(Ban hành kèm theo Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty ngày <b><u>27 tháng 04 năm 2021</u></b> của Công ty Cổ phần Bia Hà Nội - Thanh Hoá)</p> <p>Căn cứ: <b><u>+ Luật Doanh nghiệp là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội</u></b></p>	<p>Cập nhật thời gian Cập nhật văn bản pháp luật</p>

<p><u>+ Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29 tháng 06 năm 2006 và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật chứng khoán số 62/2010/QH12 thông qua ngày 24 tháng 11 năm 2010;</u></p> <p><u>+ Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 06 năm 2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;</u></p> <p><u>+ Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22 tháng 09 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;</u></p> <p>+ Điều lệ Công ty Cổ phần Bia Hà Nội - Thanh Hoá.</p>	<p><b>Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020;</b></p> <p><b>+ Luật Chứng khoán là Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;</b></p> <p><b>+ Nghị định 155/2020/NĐ – CP là Nghị định số 155/2020/NĐ – CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;</b></p> <p><b>+ Thông tư 116/2020/TT – BTC là Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại nghị định số 155/2020/nđ-cp ngày 31 tháng 12 năm 2020 của chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán;</b></p> <p>+ Điều lệ Công ty Cổ phần Bia Hà Nội - Thanh Hoá.</p>	
<p><b>Điều 3. Tiêu chuẩn Kiểm soát viên</b></p> <p>1. Kiểm soát viên có tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại <b>Điều 36</b> Điều lệ công ty.</p> <p><b><u>2. Trưởng Ban kiểm soát phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên chuyên nghiệp làm việc chuyên trách tại công ty.</u></b></p>	<p><b>Điều 3. Tiêu chuẩn Kiểm soát viên</b></p> <p>1. Kiểm soát viên có tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại <b>Điều 37</b> Điều lệ công ty.</p> <p><b>2. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.</b></p>	<p>Cập nhật dẫn chiếu đến quy định liên quan tại Điều lệ</p> <p>Sửa phù hợp với khoản 2 Điều 168 Luật Doanh nghiệp</p>
<p><b>Điều 4. Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên</b></p> <p>1. Việc ứng cử, đề cử Kiểm soát viên được thực hiện</p>	<p><b>Điều 4. Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên</b></p> <p>1. Việc ứng cử, đề cử Kiểm soát viên được thực hiện</p>	<p>Cập nhật dẫn chiếu đến quy định liên quan tại Điều lệ</p>



<p>tương tự việc ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị được quy định tại <b><u>các Điều 4 Phụ lục 2 ban hành kèm theo Quy chế này.</u></b></p>	<p>tương tự việc ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị được quy định tại <b>Điều 25 Điều lệ Công ty.</b></p>	
<p><b>Điều 5.Cách thức bầu Kiểm soát viên</b></p> <p>Việc bầu Kiểm soát viên phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu tương tự việc bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 5 <b><u>Phụ lục 2</u></b> ban hành kèm theo Quy chế này.</p>	<p><b>Điều 5.Cách thức bầu Kiểm soát viên</b></p> <p>Việc bầu Kiểm soát viên phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu tương tự việc bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 5 <b>Phụ lục II</b> ban hành kèm theo Quy chế này.</p>	<p>Cập nhật dẫn chiếu đến quy định liên quan tại Quy chế nội bộ về Quản trị công ty và các phụ lục kèm theo</p>
<p><b>Điều 6.Miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên</b></p> <p>1. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây:</p> <p><b><u>a) Thành viên đó bị pháp luật cấm làm thành viên Ban kiểm soát;</u></b></p> <p>b) Thành viên đó từ chức bằng một văn bản thông báo được gửi đến trụ sở chính cho Công ty;</p> <p>c) Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và các thành viên khác của Ban kiểm soát có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;</p> <p><b><u>d) Thành viên đó vắng mặt không tham dự các cuộc họp của Ban kiểm soát liên tục trong vòng sáu tháng liên tục, và trong thời gian này Ban kiểm soát không cho phép thành viên đó vắng mặt và đã phán quyết rằng chức vụ của người này bị bỏ trống.</u></b></p> <p>2. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;</p>	<p><b>Điều 6.Miễn nhiệm, bãi nhiệm, bầu bổ sung Kiểm soát viên</b></p> <p>1. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây:</p> <p><b>a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại khoản 2 Điều 37 Điều lệ Công ty;</b></p> <p><b>b) Thành viên đó từ chức bằng một văn bản thông báo được gửi đến trụ sở chính cho Công ty và được chấp thuận;</b></p> <p>c) Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và các thành viên khác của Ban kiểm soát có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;</p> <p>2. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;</p> <p><b>b) Thành viên đó vắng mặt không tham dự các cuộc họp của Ban kiểm soát liên tục trong vòng sáu (06)</b></p>	<p>Sửa phù hợp với Điều 174 Luật Doanh nghiệp</p>

<p>b) Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty;</p> <p>c) Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.</p>	<p><b>tháng liên tục, và trong thời gian này Ban kiểm soát không cho phép thành viên đó vắng mặt và đã phán quyết rằng chức vụ của người này bị bỏ trống;</b></p> <p>c)Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty;</p> <p>d) Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.</p>	
<p>Không có</p>	<p><b>3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát trong trường hợp số lượng thành viên Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị không đảm bảo theo quy định.</b></p>	<p>Bổ sung phù hợp với khoản 2 Điều 140 Luật Doanh nghiệp</p>
<p><b><u>Phụ lụcV</u></b> <b>TRÌNH TỰ, THỦ TỤC LỰA CHỌN, BỔ NHIỆM, MIỄN NHIỆM NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ CÔNG TY</b></p>	<p><b>PHỤ LỤC V. TRÌNH TỰ, THỦ TỤC LỰA CHỌN, BỔ NHIỆM, MIỄN NHIỆM NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ CÔNG TY</b></p>	<p>Điều chỉnh cách ghi tiêu đề</p>
<p>(Ban hành kèm theo Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty ngày <b><u>22 tháng 11 năm 2018</u></b> của Công ty Cổ phần Bia Hà Nội - Thanh Hoá)</p> <p>Căn cứ:</p> <p><b><u>+ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014;</u></b></p> <p><b><u>+ Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29 tháng</u></b></p>	<p>(Ban hành kèm theo Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty ngày <b><u>27 tháng 04 năm 2021</u></b> của Công ty Cổ phần Bia Hà Nội - Thanh Hoá)</p> <p>Căn cứ:</p> <p><b><u>+ Luật Doanh nghiệp là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV thông qua ngày 17</u></b></p>	<p>Cập nhật thời gian</p> <p>Cập nhật văn bản pháp luật</p>

<p><u>06 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán số 62/2010/QH12 ngày 24 tháng 11;</u></p> <p><u>+ Luật Kế toán số 88/2015/QH13 ngày 20/11/2015;</u></p> <p><u>+ Nghị định số 174/2016/NĐ-CP ngày 30/12/2016;</u></p> <p><u>+ Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 06 năm 2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;</u></p> <p><u>+ Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22 tháng 09 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;</u></p> <p>+ Điều lệ Công ty Cổ phần Bia Hà Nội - Thanh Hoá.</p>	<p><b>tháng 06 năm 2020;</b></p> <p><b>+ Luật Chứng khoán là Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;</b></p> <p><b>+ Nghị định 155/2020/NĐ – CP là Nghị định số 155/2020/NĐ – CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;</b></p> <p><b>+ Thông tư 116/2020/TT – BTC là Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại nghị định số 155/2020/nđ-cp ngày 31 tháng 12 năm 2020 của chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán;</b></p> <p>+ Điều lệ Công ty Cổ phần Bia Hà Nội - Thanh Hoá.</p>	
<p><b>Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của người phụ trách quản trị công ty</b></p>	<p><b>Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của người phụ trách quản trị công ty</b></p>	<p>Bổ sung theo Điều 281 Nghị định 155/2020/NĐ-CP</p>
<p>Không có</p>	<p><b>h) Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;</b></p>	
<p><b><u>Phụ lục VI</u></b></p> <p><b>TRÌNH TỰ VÀ THỦ TỤC LỰA CHỌN, BỔ NHIỆM, MIỄN NHIỆM NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP</b></p>	<p><b>PHỤ LỤC VI. TRÌNH TỰ VÀ THỦ TỤC LỰA CHỌN, BỔ NHIỆM, MIỄN NHIỆM NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP</b></p>	<p>Điều chỉnh cách ghi tiêu đề</p>
<p>(Ban hành kèm theo Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty ngày <b>22 tháng 11 năm 2018</b>)</p>	<p>(Ban hành kèm theo Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty ngày <b>27 tháng 04 năm 2021</b>)</p>	<p>Cập nhật thời gian</p>

<p>của Công ty Cổ phần Bia Hà Nội - Thanh Hoá)</p> <p>Căn cứ:</p> <p><b>+ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014;</b></p> <p><b>+ Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29 tháng 06 năm 2006 và Luật sửa đổi bổ sung một số điều Luật chứng khoán số 62/2010/QH12 thông qua ngày 24 tháng 11 năm 2010;</b></p> <p><b>+ Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 06 năm 2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;</b></p> <p><b>+ Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22 tháng 09 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;</b></p> <p>+ Điều lệ Công ty Cổ phần Bia Hà Nội - Thanh Hoá.</p>	<p>của Công ty Cổ phần Bia Hà Nội - Thanh Hoá)</p> <p>Căn cứ:</p> <p><b>+ Luật Doanh nghiệp là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020;</b></p> <p><b>+ Luật Chứng khoán là Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;</b></p> <p><b>+ Nghị định 155/2020/NĐ – CP là Nghị định số 155/2020/NĐ – CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;</b></p> <p><b>+ Thông tư 116/2020/TT – BTC là Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại nghị định số 155/2020/nd-cp ngày 31 tháng 12 năm 2020 của chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán;</b></p> <p>+ Điều lệ Công ty Cổ phần Bia Hà Nội - Thanh Hoá.</p>	<p>Cập nhật văn bản pháp luật</p>
<p><b>Điều 3.Các tiêu chuẩn để lựa chọn người điều hành doanh nghiệp</b></p> <p>1. Tiêu chuẩn làm Giám đốc và Phó giám đốc thực hiện theo <b>Điều 27</b> Quy chế này.</p> <p>2. Tiêu chuẩn làm Kế toán trưởng thực hiện theo <b>Điều 27</b> Quy chế này.</p>	<p><b>Điều 3.Các tiêu chuẩn để lựa chọn người điều hành doanh nghiệp</b></p> <p>1. Tiêu chuẩn làm Giám đốc và Phó giám đốc thực hiện theo <b>Điều 28 Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty.</b></p> <p>2. Tiêu chuẩn làm Kế toán trưởng thực hiện theo <b>Điều 28 Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty.</b></p>	<p>Cập nhật dẫn chiếu đến quy định liên quan tại Quy chế nội bộ về Quản trị công ty</p>

<p><b>Điều 5. Miễn nhiệm, Bãi nhiệm người điều hành doanh nghiệp</b></p> <p>Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác sẽ bị miễn nhiệm:</p> <p>a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại <b><u>Điều 27 Quy chế quản trị công ty;</u></b></p>	<p><b>Điều 5. Miễn nhiệm, Bãi nhiệm người điều hành doanh nghiệp</b></p> <p>Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác sẽ bị miễn nhiệm:</p> <p>a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại <b><u>Điều 28 Quy chế nội bộ về quản trị công ty;</u></b></p>	<p>Cập nhật dẫn chiếu đến quy định liên quan tại Quy chế nội bộ về Quản trị công ty và các phụ lục kèm theo</p>
<p><b><u>Phụ lục VII</u></b></p> <p><b>PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN ĐIỀU HÀNH</b></p>	<p><b>PHỤ LỤC VII. PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN ĐIỀU HÀNH</b></p>	<p>Điều chỉnh cách ghi tiêu đề</p>
<p>(Ban hành kèm theo Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty ngày <b><u>22 tháng 11 năm 2018</u></b> của Công ty Cổ phần Bia Hà Nội - Thanh Hoá)</p> <p>Căn cứ:</p> <p><b><u>+ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014;</u></b></p> <p><b><u>+ Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29 tháng 06 năm 2006 và Luật sửa đổi bổ sung một số điều Luật chứng khoán số 62/2010/QH12 thông qua ngày 24 tháng 11 năm 2010;</u></b></p> <p><b><u>+ Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 06 năm 2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;</u></b></p> <p><b><u>+ Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22 tháng 09 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp</u></b></p>	<p>(Ban hành kèm theo Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty ngày <b><u>27 tháng 04 năm 2021</u></b> của Công ty Cổ phần Bia Hà Nội - Thanh Hoá)</p> <p>Căn cứ:</p> <p><b><u>+ Luật Doanh nghiệp là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020;</u></b></p> <p><b><u>+ Luật Chứng khoán là Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;</u></b></p> <p><b><u>+ Nghị định 155/2020/NĐ – CP là Nghị định số 155/2020/NĐ – CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;</u></b></p> <p><b><u>+ Thông tư 116/2020/TT – BTC là Thông tư số</u></b></p>	<p>Cập nhật thời gian</p> <p>Cập nhật văn bản pháp luật</p>

<p><b><u>dụng đối với công ty đại chúng;</u></b> + Điều lệ Công ty Cổ phần Bia Hà Nội - Thanh Hoá.</p>	<p><b>116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại nghị định số 155/2020/nđ-cp ngày 31 tháng 12 năm 2020 của chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán;</b> + Điều lệ Công ty Cổ phần Bia Hà Nội - Thanh Hoá.</p>	
<p><b><u>Phu lụcVIII</u></b> <b>QUY ĐỊNH VỀ ĐÁNH GIÁ HÀNG NĂM ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC</b></p>	<p><b>PHỤ LỤC VIII. QUY ĐỊNH VỀ ĐÁNH GIÁ HÀNG NĂM ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC</b></p>	<p>Điều chỉnh cách ghi tiêu đề</p>
<p>(Ban hành kèm theo Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty ngày <b><u>22 tháng 11 năm 2018</u></b> của Công ty Cổ phần Bia Hà Nội - Thanh Hoá) Căn cứ: <b>+ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014;</b> <b>+ Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29 tháng 06 năm 2006 và Luật sửa đổi bổ sung một số điều Luật chứng khoán số 62/2010/QH12 thông qua ngày 24 tháng 11 năm 2010;</b> <b>+ Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 06 năm 2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;</b> <b>+ Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22 tháng 09 năm</b></p>	<p>(Ban hành kèm theo Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty ngày <b>27 tháng 04 năm 2021</b> của Công ty Cổ phần Bia Hà Nội - Thanh Hoá) Căn cứ: <b>+ Luật Doanh nghiệp là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020;</b> <b>+ Luật Chứng khoán là Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;</b> <b>+ Nghị định 155/2020/NĐ – CP là Nghị định số 155/2020/NĐ – CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng</b></p>	<p>Cập nhật thời gian Cập nhật văn bản pháp luật</p>

<p><b><u>2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;</u></b></p> <p>+ Điều lệ Công ty Cổ phần Bia Hà Nội - Thanh Hoá.</p>	<p><b>khoán;</b></p> <p><b>+ Thông tư 116/2020/TT – BTC là Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại nghị định số 155/2020/nđ-cp ngày 31 tháng 12 năm 2020 của chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán;</b></p> <p>+ Điều lệ Công ty Cổ phần Bia Hà Nội - Thanh Hoá.</p>	
<p><b><u>Điều 3. Phạm vi điều chỉnh</u></b></p> <p><b><u>1. Phụ lục này quy định về đánh giá hàng năm đối với hoạt động, khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc điều hành và người điều hành khác, bao gồm nội dung chính sau:</u></b></p> <p><b><u>a) Đánh giá hoạt động;</u></b></p> <p><b><u>b) Khen thưởng;</u></b></p> <p><b><u>c) Kỷ luật.</u></b></p> <p><b><u>2. Công ty ban hành qui định trên cơ sở tuân thủ đầy đủ về đánh giá hàng năm đối với hoạt động, khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc điều hành và người điều hành khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và các quy định nội bộ của Công ty.</u></b></p>	<p>Bỏ</p>	<p>Bỏ do trùng lặp với quy định tại Điều 1 Phụ lục VIII ban hành kèm theo Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty</p>
<p><b><u>Điều 4. Đối tượng áp dụng</u></b></p> <p><b><u>Quy định này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc đánh giá hàng năm đối với hoạt</u></b></p>	<p>Bỏ</p>	<p>Bỏ do trùng lặp với quy định tại Điều 2 Phụ lục VIII ban hành kèm theo Quy chế nội bộ</p>

<b><u>động, khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc điều hành và người điều hành khác.</u></b>		về Quản trị Công ty
<b><u>Điều 5.Đánh giá hoạt động</u></b>	<b>Điều 3.Đánh giá hoạt động</b>	Cập nhật STT
<b><u>Điều 6.Khen thưởng</u></b>	<b>Điều 4.Khen thưởng</b>	Cập nhật STT
<b><u>Điều 7.Xử lý vi phạm và kỷ luật</u></b>	<b>Điều 5.Xử lý vi phạm và kỷ luật</b>	Cập nhật STT
<b>Phụ lục IX TRÌNH TỰ, THỦ TỤC LỰA CHỌN, BỔ NHIỆM, MIỄN NHIỆM NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ CÔNG TY</b>	Bỏ	Bỏ Phụ lục IX do trùng lặp phạm vi quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Quy chế nội bộ về quản trị công ty
<p>Lưu ý:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Một số điều chỉnh thuật ngữ viết tắt “HĐQT” thành thuật ngữ đầy đủ “Hội đồng quản trị” có thể được tự động thay đổi mà không được đề cập trong Phụ lục này nhưng không làm thay đổi nội dung các Điều, Khoản.</li> <li>- Một số điều chỉnh chi tiết khác về cấu trúc câu, từ ngữ sử dụng, thuật ngữ viết tắt và một số dẫn chiếu trong Điều lệ để đảm bảo tính thống nhất về hình thức, nội dung của Điều lệ nhưng không làm thay đổi nội dung các Điều, Khoản.</li> </ul>		